

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH**



**GIÁO TRÌNH**

**MÔN HỌC: KỸ THUẬT BẢO QUẢN HÀNG HOÁ**  
**NGÀNH: QUẢN LÝ VÀ BÁN HÀNG SIÊU THỊ**  
**TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 404 /QĐ- CĐTMDL ngày 05 tháng 07 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch)*

**Lưu hành nội bộ**

*Thái Nguyên, năm 2022*

## MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
LỜI GIỚI THIỆU.....	3
CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ BẢO QUẢN HÀNG HOÁ.....	9
<b>1. Tổng quan về bảo quản hàng hóa.....</b>	<b>11</b>
1.1. Khái niệm bảo quản hàng hóa.....	11
1.2. Vai trò bảo quản hàng hóa.....	11
1.3. Đặc điểm bảo quản hàng hóa trong siêu thị.....	11
<b>2. Phân loại hàng hóa.....</b>	<b>12</b>
2.1. Căn cứ vào thành phần tính chất của mặt hàng.....	12
2.2. Căn cứ vào thời hạn sử dụng.....	12
2.3. Căn cứ vào điều kiện bảo quản.....	13
<b>3. Quy tắc phân loại hàng hóa.....</b>	<b>14</b>
3.1. Quy tắc 1.....	15
3.2. Quy tắc 2.....	15
3.3. Quy tắc 3.....	16
3.4. Quy tắc 4.....	18
3.5. Quy tắc 5.....	18
3.6. Quy tắc 6.....	19
<b>CHƯƠNG 2: KỸ THUẬT NGHIỆP VỤ BẢO QUẢN HÀNG HOÁ.....</b>	<b>21</b>
<b>1. Yêu cầu nghiệp vụ bảo quản hàng hóa.....</b>	<b>23</b>
1.1. Đảm bảo điều kiện chứa hàng.....	23
1.2. Kiểm tra, kiểm kê hàng hóa và đảo hàng.....	23
1.3. Phòng chống cháy nổ, bảo hộ LĐ và vệ sinh môi trường bảo quản.....	23
<b>2. Nội dung của nghiệp vụ bảo quản hàng hóa.....</b>	<b>23</b>
2.1 Phân bổ và chất xếp hàng hoá trong kho.....	23
2.2 Khống chế các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến hàng hoá.....	27
2.3. Quản lý định mức hao hụt hàng hoá trong kho.....	35
2.4. Phòng cháy, chống cháy.....	37
2.5 Phòng gian bảo mật.....	39

2.6. Phòng chống lũ lụt .....	39
<b>3. Kỹ thuật bảo quản.....</b>	<b>40</b>
3.1. Bao gói hàng hóa.....	40
3.2. Xử lý kỹ thuật bảo quản hàng hóa .....	49
<b>CHƯƠNG 3: KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HÀNG HOÁ.....</b>	<b>50</b>
<b>1. Tổng quan về kiểm tra chất lượng hàng hóa.....</b>	<b>52</b>
1.1. Khái niệm.....	52
1.2. Mục tiêu và ý nghĩa của kiểm tra chất lượng hàng hóa .....	52
<b>2. Phương pháp và hình thức kiểm tra chất lượng hàng hóa .....</b>	<b>52</b>
2.1. Phương pháp kiểm tra .....	52
2.2. Hình thức kiểm tra .....	55
<b>3. Nội dung kiểm tra chất lượng hàng hóa .....</b>	<b>56</b>
3.1. Chứng từ, hóa đơn.....	56
3.2. Số lượng .....	56
3.3. Chất lượng.....	56
3.4. Điều kiện và môi trường .....	56
<b>4. Một số Mẫu biên bản tình trạng hàng hóa .....</b>	<b>56</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>64</b>

## LỜI GIỚI THIỆU

Một trong những tài sản lớn nhất của một doanh nghiệp đó là hàng hóa. Bảo quản hàng hóa là một trong những bước thuộc quy trình quản lý kho và đặc biệt quan trọng đối với các doanh nghiệp thương mại. Trong điều kiện hàng hoá đa dạng phong phú như ngày nay đòi hỏi những kỹ thuật bảo quản tiên tiến, đảm bảo tính khoa học và kinh tế.

Để nắm rõ được những kiến thức cơ bản về hàng hoá cũng như bảo quản hàng hoá và để có tài liệu phục vụ giảng dạy cho học sinh chuyên ngành trong trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch, tập thể tác giả đã biên soạn giáo trình “Kỹ thuật bảo quản hàng hoá”. Giáo trình để làm tài liệu giảng dạy cho học sinh ngành Quản lý và bán hàng siêu thị trình độ trung cấp.

Trong quá trình biên soạn giáo trình “Kỹ thuật bảo quản hàng hoá” các tác giả đã nhận được những ý kiến đóng góp hiệu quả của các giảng viên khoa quản trị kinh doanh, các thầy cô giáo trong hội đồng khoa học nhà trường. Nhóm tác giả xin trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ của các đồng nghiệp.

Mặc dù đã rất cố gắng nhưng không thể tránh khỏi những thiếu sót và những hạn chế. Chúng tôi rất mong nhận được sự góp ý, bổ sung của độc giả để giúp cho quá trình được hoàn thiện hơn. Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Khoa Quản trị kinh doanh, trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch – số 478 đường Thống Nhất, phường Tân Thịnh, TP Thái Nguyên

Chân thành cảm ơn!

NHÓM TÁC GIẢ

## GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

1. Tên môn học: Kỹ thuật bảo quản hàng hoá

2. Mã số môn học: MH20

3. Vị trí, tính chất của môn học

3.1. Vị trí:

Kỹ thuật bảo quản hàng hoá là môn học thuộc nhóm các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp “Quản lý và bán hàng siêu thị”

3.2. Tính chất:

Kỹ thuật bảo quản hàng hoá là môn học lý thuyết, trình bày một cách có hệ thống cơ sở lý luận các vấn đề cơ bản về bảo quản hàng hoá. Đánh giá môn học bằng hình thức kiểm tra kết thúc môn.

4. Mục tiêu của môn học:

4.1. Về kiến thức:

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kỹ thuật bảo quản hàng hoá: về các tiêu thức phân loại hàng hóa cho nghiệp vụ bảo quản; các kỹ thuật nghiệp vụ bảo quản hàng hóa; kiểm tra chất lượng hàng hóa; nội dung nghiệp vụ theo dõi, ghi chép và báo cáo tình trạng hàng hóa.

4.2. Về kỹ năng:

Sau khi học xong môn học, người học hình thành được kỹ năng:

+ Phân loại được hàng hóa

+ Đưa ra được các phương pháp bảo quản hàng hóa

+ Kiểm tra được chất lượng hàng hóa.

+ Ghi chép, theo dõi, báo cáo, đánh giá được tình trạng hàng hóa

+ Kỹ năng làm việc nhóm, thảo luận, thuyết trình thành thạo.

4.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh có khả năng tự học, tự nghiên cứu ngoài các giờ học trên lớp, chủ động tư duy, sáng tạo.

Học sinh có thái độ nghiêm túc khi nghiên cứu môn học, tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập; rèn luyện được tác phong công nghiệp, lễ l貌 làm việc của người lao động tốt.

5. Nội dung của môn học

5.1. Chương trình khung

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra

<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>12</b>	<b>255</b>	<b>94</b>	<b>148</b>	<b>13</b>
MH01	Chính trị	2	30	15	13	2
MH02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH04	Giáo dục QPAN	2	45	21	21	3
MH05	Tin học	2	45	15	29	1
MH06	Tiếng Anh cơ bản	4	90	30	56	4
<b>II</b>	<b>Các môn học chuyên môn</b>	<b>65</b>	<b>1590</b>	<b>568</b>	<b>981</b>	<b>41</b>
<b>II.1</b>	<b>Môn học cơ sở</b>	<b>18</b>	<b>270</b>	<b>256</b>	<b>0</b>	<b>14</b>
MH07	Tổng quan về siêu thị	2	30	28	-	2
MH08	Quản trị học	3	45	43	-	2
MH09	Luật kinh tế	2	30	28	-	2
MH10	Nguyên lý kế toán	3	45	43	-	2
MH11	Marketing căn bản	2	30	28	-	2
MH12	Tâm lý khách hàng và KNGT	3	45	43	-	2
MH13	Thương phẩm học	3	45	43	-	2
<b>II.2</b>	<b>Môn học chuyên môn</b>	<b>45</b>	<b>1290</b>	<b>284</b>	<b>981</b>	<b>25</b>
MH14	Tiếng Anh Thương mại	3	45	43	-	2
MH15	Quản lý siêu thị	3	45	43	-	2
MH16	Nghiệp vụ mua hàng	2	30	28	-	2
MH17	Nghiệp vụ bán hàng	3	45	43	-	2
MH18	Kỹ thuật trưng bày hàng hóa	3	45	43	-	2
MH19	Nghiệp vụ kho, vận chuyển hàng hóa	2	30	28	-	2
MH20	Kỹ thuật bảo quản hàng hóa	2	30	28	-	2
MH21	Phần mềm quản lý bán hàng	2	60	-	57	3
MH22	Thuế	2	30	28	-	2
MH23	TH nghiệp vụ mua, bán, trưng bày hàng hóa	4	120	-	117	3
MH24	TH nghiệp vụ kho, vận chuyển, bảo quản hàng hóa	3	90	-	87	3
MH25	Thực tập tốt nghiệp	16	720	-	720	
<b>II.3</b>	<b>Môn học tự chọn (chọn 1 trong 2)</b>	<b>2</b>	<b>30</b>	<b>28</b>	<b>0</b>	<b>2</b>
MH26	Thương mại điện tử	2	30	28	-	2
MH27	Khởi sự doanh nghiệp	2	30	28	-	2
<b>Tổng cộng</b>		<b>77</b>	<b>1845</b>	<b>662</b>	<b>1129</b>	<b>54</b>

## 5.2. Chương trình chi tiết môn học

Số TT	Tên chương mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/thảo luận	Kiểm tra
1	Chương 1: Những vấn đề cơ bản về bảo quản hàng hoá	8	8	-	
2	Chương 2: Kỹ thuật nghiệp vụ bảo quản hàng hóa	14	13	-	1
3	Chương 3: Kiểm tra chất lượng hàng hóa	8	7	-	1
	Cộng	30	28	-	2

## 6. Điều kiện thực hiện môn học:

6.1. Phòng học Lý thuyết/Thực hành: Đáp ứng phòng học chuẩn

6.2. Trang thiết bị dạy học: Proje-tor, máy vi tính, bảng, phấn

6.3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, mô hình học tập,...

6.4. Các điều kiện khác: Người học tìm hiểu thực tế về công tác bảo quản hàng hoá tại các siêu thị, kho hàng...

## 7. Nội dung và phương pháp đánh giá:

### 7.1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức

- Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:

+ Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.

+ Nghiêm túc trong quá trình học tập.

### 7.2. Phương pháp:

Người học được đánh giá tích lũy môn học như sau:

#### 7.2.1. Cách đánh giá

- Áp dụng quy chế đào tạo trình độ trung cấp hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTĐ, ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo áp dụng tại Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

### 7.2.2. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá	Phương pháp tổ chức	Hình thức kiểm tra	Thời điểm kiểm tra
Thường xuyên	Viết/ Thuyết trình	Tự luận/ Trắc nghiệm	Sau 15 giờ.
Định kỳ	Viết/ Thuyết trình	Tự luận/ Trắc nghiệm	Sau 27 giờ
Kết thúc môn học	Viết	Tự luận và trắc nghiệm	Sau 30 giờ

### 7.2.3. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm môn học là tổng điểm của tất cả điểm đánh giá thành phần của môn học nhân với trọng số tương ứng. Điểm môn học theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về đào tạo theo tín chỉ.

## 8. Hướng dẫn thực hiện môn học

8.1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: Đối tượng trung cấp Quản lý và bán hàng siêu thị

### 8.2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

#### 8.2.1. Đối với người dạy

\* Lý thuyết: Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống, câu hỏi thảo luận....

\* Thảo luận: Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung đề ra.

\* Hướng dẫn tự học theo nhóm: Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

#### 8.2.2. Đối với người học: Người học phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi người học vào học môn học này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu người học vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tự học và thảo luận nhóm: là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8-10 người học sẽ được cung cấp



chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết, thực hành. Mỗi người học sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.
- Tham dự thi kết thúc môn học.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

#### 9. Tài liệu tham khảo:

[1]. GS.TS. Đặng Đình Đào, PGS.TS. Nguyễn Thị Xuân Hương, PGS.TS. Phan Tô Uyên, *Giáo trình Thương phẩm học*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2018

[2]. PGS.TS. Doãn Kế Bôn, TS. Nguyễn Thị Thương Huyền, *Giáo trình Khoa học hàng hoá*, NXB Tài chính, 2009.

[3]. Đại học Thương mại, *Giáo trình Thương phẩm học hàng thực phẩm*, NXB Thống kê, 1980

[4]. Đại học Thương mại, *Giáo trình Thương phẩm học hàng công nghệ phẩm*, NXB Thống kê, 1980

[5]. Đại học Ngoại thương, *Giáo trình Quản lý chất lượng hàng hóa và dịch vụ*, NXB Thống kê, 2000.

# **CHƯƠNG 1**

## **NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ BẢO QUẢN HÀNG HOÁ**

### **GIỚI THIỆU CHƯƠNG**

Chương 1 là chương giới thiệu về một số nội dung cơ bản như khái niệm bảo quản, vai trò của bảo quản hàng hoá, đặc điểm của bảo quản hàng hoá, phân loại hàng hoá, quy tắc phân loại hàng hoá cho mục đích bảo quản để người học có được kiến thức nền tảng và dễ dàng tiếp cận nội dung môn học ở những chương tiếp theo.

### **MỤC TIÊU**

#### **1. Về kiến thức:**

- Trình bày khái niệm, vai trò và đặc điểm của bảo quản hàng hoá;
- Phân loại được các loại hàng hoá theo một số tiêu thức phân loại;
- Trình bày được nội dung các quy tắc phân loại hàng hoá;

#### **2. Về kỹ năng:**

- Vận dụng được các kiến thức phân loại hàng hoá vào thực tế công việc;

#### **3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- Ý thức được tầm quan trọng và ý nghĩa thực tiễn của việc nghiên cứu các vấn đề cơ bản của bảo quản hàng hoá thực tiễn công việc.

- Thái độ học tập nghiêm túc, tích cực trong thảo luận các nội dung giảng viên nêu ra.

### **PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP CHƯƠNG 1**

- Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực (diễn giảng, vấn đáp, dạy học theo vấn đề); yêu cầu người học thực hiện câu hỏi thảo luận 1 (cá nhân hoặc nhóm).

- Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (chương 1) trước buổi học; hoàn thành đầy đủ câu hỏi thảo luận chương 1 theo cá nhân hoặc nhóm và nộp lại cho người dạy đúng thời gian quy định.

### **ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG 1**

- Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Không
- Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu và các thiết bị dạy học khác

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan.

- Các điều kiện khác: Không có

## **KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG 1**

- Nội dung:

+ Kiến thức: Kiểm tra và đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức

+ Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.

+ Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Trong quá trình học tập, người học cần:
- Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
- Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- Nghiêm túc trong quá trình học tập.

- Phương pháp:

+ Điểm kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra (hình thức: hỏi miệng)

+ Kiểm tra định kỳ lý thuyết: không có

## NỘI DUNG

### Chương 1: Những vấn đề cơ bản về bảo quản hàng hóa

#### 1. Tổng quan về bảo quản hàng hóa

##### 1.1. Khái niệm bảo quản hàng hóa

Bảo quản hàng hóa là nghiệp vụ kỹ thuật nhằm giữ gìn toàn vẹn giá trị sử dụng của hàng hoá cho đến khi đưa đến tay người tiêu dùng.

Nghiệp vụ này được thực hiện ở các kho hàng, cửa hàng, bến bãi, trong đó, việc bảo quản hàng hóa tại các kho chứa hàng trong các khâu sản xuất và lưu thông hàng hoá là quan trọng nhất.

Bảo quản hàng hóa được tiến hành bằng các phương tiện, thiết bị kỹ thuật như máy điều hoà nhiệt độ, máy hút bụi, máy lạnh, các hoá chất và bằng những phương pháp quản lý khoa học... tùy theo đặc điểm của các loại hàng bảo quản. Do trình độ chuyên môn hoá sản xuất cũng như quan hệ buôn bán trên thế giới ngày càng phát triển nên kỹ thuật bảo quản cũng ngày càng hiện đại. Đầu tư, chi phí vào bảo quản có ý nghĩa quan trọng và chiếm một tỉ lệ đáng kể trong sản xuất, lưu thông.

##### 1.2. Vai trò bảo quản hàng hóa

- + Đảm bảo chất lượng, số lượng hàng hóa
- + Đảm bảo hiệu quả kinh doanh
- + Đảm bảo uy tín cho doanh nghiệp

##### 1.3. Đặc điểm bảo quản hàng hóa trong siêu thị

Đa số các mặt hàng trong siêu thị là hàng tiêu dùng nên đều có thời hạn sử dụng không cao, chỉ tầm 6 tháng đến 1 năm, trừ các sản phẩm đồ gia dụng nên công tác bảo quản hàng hóa rất quan trọng.

Để bảo quản hàng hóa hiệu quả cần:

- + Phân loại hàng hóa để bảo quản hiệu quả đối với từng loại hàng hóa
- + Chất xếp, phân khu hàng hóa sao cho đảm bảo chất lượng, dễ kiểm tra, kiểm soát
- + Sử dụng thiết bị bảo quản chuyên dùng để bảo quản hàng hóa hiệu quả và tiết kiệm chi phí: hàng thực phẩm tươi sống, thực phẩm đông lạnh...
- +

## **2. Phân loại hàng hóa**

### **2.1. Căn cứ vào thành phần tính chất của mặt hàng**

#### 2.1.1 Hàng hóa có nguồn gốc hữu cơ, tự nhiên

- + Thực phẩm
- + Các sản phẩm chế biến từ nguyên liệu tự nhiên

#### 2.1.2 Hàng hóa được làm từ nhựa, chất dẻo, cao su

- + Đồ gia dụng như ghế, xô, chậu, móc quần áo...
- + Săm lốp xe máy, ô tô, gioăng đệm....

#### 2.1.3 Hàng hóa được làm từ kim loại

- + Đồ gia dụng như nồi, xoong, chảo...
- + Giá, kệ, khay...

#### 2.1.4 Hàng điện tử

- + Đồ điện gia dụng: quạt điện, tủ lạnh, nồi cơm điện,...
- + Đồ điện tử công nghệ: điện thoại, máy ảnh,...

#### 2.1.5 Hàng hóa mỹ phẩm, hóa chất dân dụng

- + Hoá mỹ phẩm chăm sóc da: kem chống nắng, kem chống ẩm, kem làm trắng da...
- + Hoá mỹ phẩm ngành tóc: dầu gội, dầu xả, thuốc uốn, thuốc nhuộm tóc...
- + Hoá mỹ phẩm gia dụng: Nước lau nhà, nước giặt, tẩy rửa vệ sinh, các sản phẩm khử mùi

#### 2.1.6 Hàng trang phục

- + Quần áo
- + Giày dép
- + Phụ kiện thời trang

#### 2.1.7 Hàng văn hóa phẩm: sách, truyện, tranh...

### **2.2. Căn cứ vào thời hạn sử dụng**

#### 2.2.1 Hàng dài hạn

- + Đồ gia dụng: xô, chậu, xô, bát đĩa....
- + Thiết bị điện: dây điện, ổ cắm, quạt điện....

#### 2.2.2 Hàng thời vụ

- + Đồ dệt may, thời trang
- + Hàng nông sản

#### 2.2.3 Hàng ngắn hạn

- + Thực phẩm tươi sống
- + Rau, củ, quả
- + Sữa và chế phẩm của sữa

+ Đồ uống, giải khát...

## 2.3. Căn cứ vào điều kiện bảo quản

### 2.3.1 Hàng mát

Hàng mát là một ngành hàng phổ biến mà hầu hết các cửa hàng tạp hóa, siêu thị dù quy mô lớn hay nhỏ đều kinh doanh.

\* Sữa chua, tươi, váng sữa: Đầu tiên trong danh mục hàng tạp hóa phải kể đến nhóm sữa chua, tươi, và váng sữa, bất kể cửa hàng nào dù là nhỏ nhất cũng đều có bày bán các loại sản phẩm thuộc nhóm này.

\* Bơ, pho mai: Tiếp theo chính là nhóm sản phẩm thuộc bơ, pho mai.

\* Đồ tráng miệng: Ví dụ như bánh bao, sữa chua nếp cẩm, Caramen...

\* Xúc xích, nạc xường: Xúc xích tươi, xúc xích tiết trùng, lạp xường.

\* Rau, củ, quả tươi

### 2.3.2 Hàng đông lạnh

Hàng đông lạnh là ngành hàng mà tại đó các sản phẩm tiêu dùng chủ yếu được bảo quản trong tủ đông.

\* Kem: Kem que, kem hộp, kem túi

\* Thủy hải sản: Tôm, cá, mực

\* Thực phẩm đông lạnh

\* Thịt cấp đông

### 2.3.3 Thực phẩm khô

\* Dầu thực vật: Dầu chiên xào, dầu thực vật, dầu oliu

\* Gia vị chế biến: Nước tương, dầu hào, tương cà, đường...

\* Thực phẩm ăn liền: Miến phở, mì tôm, cháo ăn liền

\* Thực phẩm đóng hộp: Thịt hộp, mứt tôm, mứt tép

\* Gia vị ngọt: Sữa đặc như ông thọ, nutri

\* Thực phẩm đóng túi: Rong biển

\* Gạo

\* Sữa bột

\* Ngũ cốc: Ngũ cốc các loại

### 2.3.4 Đồ uống

\* Bia

\* Rượu: Rượu mạnh, rượu vang hộp, chai, rượu gạo...

\* Nước giải khát: Tinh khiết, có ga...

\* Đồ uống nóng: bột ngũ cốc, cacao, cafe...

### 2.3.5 Bánh kẹo

\* Các loại bánh: Bánh quy, xốp, hộp giấy, hộp thiếc, đồ ăn vặt...

\* Kẹo và socola: Kẹo cứng, kẹo mềm, kẹo dẻo, socola...

\* Thực phẩm ăn liền: Omai, thạch...

### 2.3.6 Thuốc lá

\* Thuốc lá nội

- \* Thuốc lá ngoại
- 2.3.7 Gia dụng
  - \* Gốm sứ, thủy tinh
  - \* Dụng cụ nhà bếp
  - \* Dụng cụ giặt là, lau chùi
  - \* Dụng cụ nấu nướng, nhà bếp
- 2.3.8 Văn phòng phẩm, lưu niệm, đồ chơi
  - \* Sách chuyện
  - \* Dụng cụ học sinh: Thước kẻ, bút ...
  - \* Dụng cụ văn phòng: Giấy phô tô, ghim...
  - \* Đồ chơi
  - \* Phụ kiện thời trang: Áo mưa, mũ, thắt lưng...
- 2.3.9 Dệt may, thời trang
  - \* Khăn
  - \* Khẩu trang
  - \* Thời trang: Nam, nữ, văn phòng công sở, thể thao...
- 2.3.10 Mỹ phẩm
  - \* Chăm sóc tóc
  - \* Chăm sóc da
  - \* Chăm sóc răng miệng
  - \* Lăn khử mùi, nước hoa
  - \* Chăm sóc sức khỏe
  - \* Dụng cụ trang điểm
- 2.3.11 Hóa phẩm
  - \* Bột giặt, tẩy, xả
  - \* Nước tẩy rửa, khử mùi
  - \* Diệt côn trùng
- 2.3.12 Giấy và bông
  - \* Băng vệ sinh
  - \* Giấy vệ sinh
  - \* Khăn ướt, khăn giấy
  - \* Bỉm cho trẻ em và người già

### **3. Quy tắc phân loại hàng hóa**

Việc phân loại HS Code phải tuân theo 6 quy tắc phân loại HS Code cơ bản được xây dựng dựa trên Hệ thống hài hòa, có tính ràng buộc áp dụng. Các quy tắc phải được xem xét theo thứ tự, không áp dụng được quy tắc này mới áp dụng sang quy tắc tiếp theo.

Thứ tự xem xét các quy tắc: Quy tắc 1, 2(a), 2(b), 3(a), 3(b), 3(c), 4. Riêng quy tắc 5 và 6 được áp dụng riêng biệt.

### 3.1. Quy tắc 1:

*“Tên của các phần, của chương hoặc của phân chương được đưa ra chỉ nhằm mục đích dễ tra cứu. Để đảm bảo tính pháp lý, việc phân loại hàng hóa phải được xác định theo nội dung của từng nhóm và bất cứ chủ giải của các phần, chương liên quan và theo các qui tắc dưới đây nếu các nhóm hoặc các chủ giải đó không có yêu cầu nào khác.”*

Quy tắc 1 được xem xét đầu tiên trong quy trình phân loại HS Code.

Tên đề mục của Phần, Nhóm, Phân nhóm “chỉ nhằm mục đích tra cứu” và không có giá trị pháp lý trong việc phân loại hàng hóa.

Việc phân loại hàng hóa được xác định theo nội dung của nhóm hàng và bất cứ chú giải phần hoặc chương nào có liên quan, và tuân theo các quy tắc 2, 3, 4 hoặc 5 khi nhóm hàng hoặc các chú giải không có yêu cầu nào khác.

*Ví dụ:* Gạo lứt 1006



Gạo lứt: 1006	
Phần II	Các sản phẩm thực vật
Chương 10	Ngũ cốc
Nhóm 1006	Lúa gạo

### 3.2. Quy tắc 2:

*“a) Một mặt hàng được phân loại vào một nhóm hàng thì mặt hàng đó ở dạng chưa hoàn chỉnh hoặc chưa hoàn thiện cũng thuộc nhóm đó, nếu đã có đặc trưng cơ bản của hàng hóa đó khi đã hoàn chỉnh hoặc hoàn thiện. Cũng phân loại như vậy đối với hàng hóa ở dạng hoàn chỉnh hay hoàn thiện hoặc đã có đặc trưng cơ bản của hàng hóa ở dạng hoàn chỉnh hay hoàn thiện (hoặc được phân loại vào dạng hàng hóa đã hoàn chỉnh hay hoàn thiện theo nội dung Quy tắc này), nhưng chưa lắp ráp hoặc tháo rời.”*



*b) Một nguyên liệu, một chất được phân loại trong một nhóm nào đó thì hỗn hợp hay hợp chất của nguyên liệu hoặc chất đó với những nguyên liệu hoặc chất khác cũng thuộc nhóm đó. Hàng hóa làm toàn bộ bằng một loại nguyên liệu hay một chất, hoặc làm một phần bằng nguyên liệu hay chất đó được phân loại trong cùng nhóm. Việc phân loại những hàng hóa làm bằng hai loại nguyên liệu hay hai chất trở lên phải tuân theo Quy tắc 3.”*

Khi quy tắc 1 không thể áp dụng thì xem xét đến quy tắc 2. Quy tắc 2 áp dụng cho: Các mặt hàng ở dạng chưa hoàn chỉnh hoặc chưa hoàn thiện, ở dạng chưa lắp ráp hoặc tháo rời ; Hỗn hợp và hợp chất của các nguyên liệu hoặc các chất.

Gồm hai quy tắc:

*Quy tắc 2(a): Hàng hóa ở dạng chưa hoàn chỉnh hoặc chưa hoàn thiện nhưng đã có đặc tính cơ bản của hàng hóa đã hoàn chỉnh hoặc hoàn thiện thì được phân loại cùng nhóm với hàng hóa đã hoàn chỉnh. Áp dụng tương tự cho hàng hóa ở dạng chưa lắp ráp hoặc tháo rời.*

*Ví dụ:* Xe ô tô thiếu bánh xe vẫn được áp mã theo xe ô tô.

*Quy tắc 2(b): Các hàng hóa được làm từ một phần nguyên liệu hoặc chất sẽ được phân loại giống các hàng hóa được làm từ nguyên liệu hay chất đó.*

*Ví dụ:* Axit sulfuric 100% thuộc nhóm 2807, Nước thuộc nhóm 2201. Hỗn hợp Axit sulfuric và Nước được phân vào nhóm 2807 – áp mã theo chất cơ bản là Axit sulfuric.

### **3.3. Quy tắc 3:**

*Khi áp dụng qui tắc 2(b) hoặc vì bất cứ một lý do nào khác, hàng hóa thoạt nhìn có thể phân loại vào hai hay nhiều nhóm, thì sẽ phân loại như sau:*

*Quy tắc 3(a): Những nhóm có mô tả cụ thể nhất sẽ được ưu tiên hơn các nhóm có mô tả khái quát khi thực hiện việc phân loại hàng hóa. Tuy nhiên, khi hai hay nhiều nhóm mà mỗi nhóm chỉ liên quan đến một phần của nguyên liệu hoặc chất chứa trong hàng hóa là hỗn hợp hay hợp chất, hoặc chỉ liên quan đến một phần của hàng hóa trong trường hợp hàng hóa đó ở dạng bộ được đóng gói để bán lẻ, thì những nhóm này được coi như thể hiện đặc trưng ngang nhau về những hàng hóa nói trên, ngay cả khi một trong số các nhóm đó có mô tả đầy đủ hơn hoặc chính xác hơn về những hàng hóa đó*

*Ví dụ:* Tông đơ tia lông. Áp dụng quy tắc 3(a), những nhóm có **mô tả cụ thể nhất** sẽ được ưu tiên hơn các nhóm có mô tả khái quát. Xét thấy nhóm 8510: “Tông đơ và

các dụng cụ loại bỏ râu, lông, tóc” có miêu tả cụ thể hơn nhóm 8467: “Dụng cụ cầm tay có gắn động cơ điện”. Do đó, Tông đơ tia lông được phân vào nhóm 8510.

*Quy tắc 3(b): Những hàng hóa hỗn hợp bao gồm nhiều nguyên liệu khác nhau hoặc những hàng hóa được làm từ nhiều bộ phận cấu thành khác nhau, và những hàng hóa ở dạng bộ để bán lẻ, nếu không phân loại được theo qui tắc 3(a), thì phân loại theo nguyên liệu hoặc bộ phận cấu thành tạo ra đặc tính cơ bản của hàng hóa.*

Theo qui tắc 3(b) này, hàng hóa được coi như “ở dạng bộ được đóng gói để bán lẻ” phải có những điều kiện sau:

- i) Phải có ít nhất hai loại hàng khác nhau, mà ngay từ ban đầu thoạt nhìn có thể xếp vào nhiều nhóm hàng khác nhau. Ví dụ: sáu cái nĩa rán không thể coi là một bộ theo qui tắc này, vì không thể xếp 6 cái nĩa rán vào hai nhóm hàng;
- ii) Gồm những sản phẩm hoặc hàng hóa được xếp đặt cùng nhau để đáp ứng một yêu cầu nhất định hoặc để thực hiện một chức năng xác định;
- iii) Được xếp theo cách thích hợp để bán trực tiếp cho người sử dụng mà không cần đóng gói tiếp (ví dụ: đóng gói trong hộp, tráp, hòm).

*Ví dụ:* Bộ sản phẩm gồm lược (9615), kéo (8213), chổi (9603) và máy kẹp tóc (8510). Bộ sản phẩm này đáp ứng các điều kiện để được coi như “ở dạng bộ được đóng gói để bán lẻ”:

<b>Điều kiện</b>	<b>Bộ làm tóc</b>
Phải có ít nhất 2 loại hàng hóa khác nhau, thoạt nhìn có thể phân loại vào nhiều nhóm khác nhau;	✓ Lược: 9615 ✓ Kéo: 8213 ✓ Chổi: 9603 ✓ Máy kẹp tóc: 8510
Được xếp đặt cùng nhau để đáp ứng một yêu cầu nhất định hoặc thực hiện một chức năng xác định; và	✓ Mục đích: làm tóc.
Bán trực tiếp cho người sử dụng mà không cần đóng gói tiếp.	✓ Sản phẩm hoàn chỉnh để bán lẻ.

Bộ làm tóc đáp ứng đủ các điều kiện để được coi như “ở dạng bộ được đóng gói để bán lẻ”

Và trong bộ sản phẩm này, máy kẹp tóc (8510) là sản phẩm chính. Do đó, bộ làm tóc được phân vào nhóm 8510.

*Quy tắc 3(c): Khi không thể áp dụng quy tắc 3(a) hoặc 3(b) thì phân loại hàng hóa vào nhóm cuối cùng theo thứ tự đánh số trong số các nhóm tương đương được xem xét.*

*Ví dụ:* Socola sữa có tỉ lệ sữa = tỉ lệ bột cacao = 50%. Xét thấy không thể phân loại vào nhóm 0402 hoặc nhóm 1806 theo quy tắc 3(a), và cũng không thể phân loại theo nguyên tắc 3(b). Do đó, mặt hàng sẽ được phân loại vào quy tắc 3(c): “phân loại vào nhóm có thứ tự sau cùng trong số các nhóm cùng được xem xét”. Theo đó, socola sữa được phân loại vào nhóm 1806.

### **3.4. Quy tắc 4:**

*“Nếu hàng hóa không thể phân loại theo đúng các qui tắc phía trên thì được phân loại vào nhóm phù hợp với loại hàng hóa giống chúng nhất.”*

*Ví dụ:* Men dạng viên, được dùng giống như thuốc thì được áp vào mã thuốc 30.04.

### **3.5. Quy tắc 5:**

*Phạm vi áp dụng:* Hộp, túi, bao và các loại bao bì có hình dạng đặc biệt; Các loại chứa đựng hoặc đi kèm với sản phẩm.

*Quy tắc 5(a): Hộp, túi, bao và các loại bao bì chứa đựng tương tự*

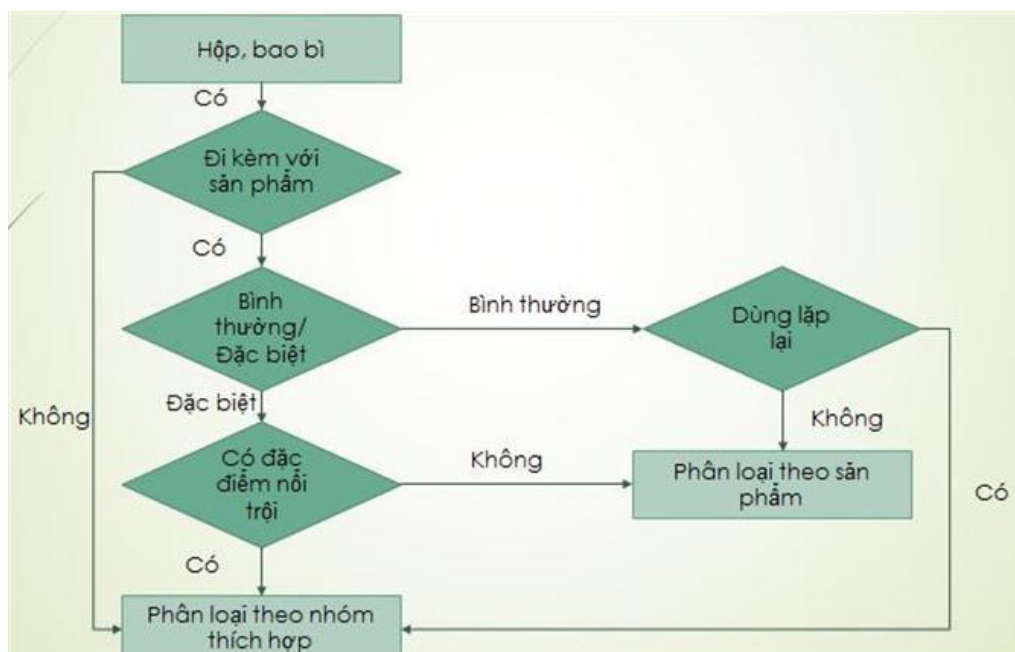
*Các loại bao hộp tương tự, thích hợp hoặc có hình dạng đặc biệt để chứa hàng hóa hoặc bộ hàng hóa xác định, có thể dùng trong thời gian dài và đi kèm với sản phẩm khi bán, được phân loại cùng với những sản phẩm này. Tuy nhiên, nguyên tắc này không được áp dụng đối với bao bì mang tính chất cơ bản nổi trội hơn so với hàng hóa mà nó chứa đựng.*

*Ví dụ:* Hộp đựng ghita có hình dạng của đàn ghita. Do đó, được phân loại vào nhóm cùng với đàn ghita: **9209**. Tuy nhiên, hộp đựng kính đeo mắt bằng vàng không thể áp mã theo kính.

*Quy tắc 5(b): Bao bì*

*Qui định việc phân loại bao bì thường được dùng để đóng gói chứa đựng hàng hóa. Tuy nhiên, qui tắc này không áp dụng cho bao bì có thể dùng lặp lại, ví dụ trong trường hợp thùng kim loại hoặc bình sắt, thép đựng khí đốt dạng nén hoặc lỏng.*

*Ví dụ:* Không áp mã bình chứa ga bằng thép (bình có thể sử dụng lại) vào mã ga được mà phải được phân theo mã riêng. Nếu bình ga dùng một lần thì áp mã ga.



### 3.6. Quy tắc 6:

*Để đảm bảo tính pháp lý, việc phân loại hàng hóa ở cấp độ phân nhóm phải đảm bảo:*

*Được xác định phù hợp theo nội dung của phân nhóm và chú giải phân nhóm. Theo qui tắc này thì các chú giải phần và chương có liên quan cũng được áp dụng, trừ khi nội dung mô tả trong phân nhóm có những yêu cầu khác.*

*Phải xác định HS Code ở cấp độ Nhóm trước tiên.*

*Các quy tắc 1 đến 5 điều chỉnh việc phân loại ở cấp độ phân nhóm trong cùng một nhóm.*

*Chỉ những phân nhóm cùng cấp độ mới so sánh được.*

*Giải thích một số từ ngữ:*

– “Trừ khi nội dung của phân nhóm có yêu cầu khác”: có nghĩa là trừ khi những chú giải của phần hoặc chương có nội dung không phù hợp với nội dung của phân nhóm hoặc chú giải phân nhóm.

– “Các phân nhóm cùng cấp độ”: phân nhóm một gạch (cấp độ 1) hoặc phân nhóm 2 gạch (cấp độ 2).

*Ví dụ:* Tại chương 71, định nghĩa về “bạch kim” nêu trong chú giải 4(b) cùng chương này khác với chú giải phân nhóm 2 của chương này, cụ thể:

+ Chú giải 4(b) chương 71: khái niệm bạch kim có nghĩa là Platin (Pt), Iridi (Ir), Osimi (Os), Paladi (Pd), Rodi (Rh) và Rutheri (Ru).

+ Chú giải phân nhóm 2 chương 71: “mặc dù đã qui định trong chú giải 4(b) của chương này, nhưng theo các phân nhóm 7010.11 và 7010.19, khái niệm bạch kim không bao gồm Iridi (Ir), Osimi (Os), Paladi (Pd), Rodi (Rh) và Rutheri (Ru).”

Do vậy, để giải thích các phân nhóm 7010.11 hoặc 7010.19, chú giải phân nhóm 2 sẽ được áp dụng còn chú giải 4(b) của chương không được áp dụng.

## **TÓM TẮT CHƯƠNG 1**

Trong chương này, một số nội dung chính được giới thiệu:

- Khái niệm bảo quản hàng hoá, mục đích và đặc điểm của bảo quản hàng hoá trong siêu thị.
- Phân loại hàng hoá cho mục đích bảo quản
- Các nguyên tắc phân loại hàng hoá

## **CÂU HỎI ÔN TẬP**

Câu 1. Trình bày khái niệm bảo quản và đặc điểm bảo quản hàng hoá trong siêu thị.

Câu 2. Trình bày các tiêu thức phân loại hàng hoá.

Câu 3. Trình bày quy tắc phân loại hàng hoá, cho ví dụ minh hoạ.

## CHƯƠNG 2

### KỸ THUẬT NGHIỆP VỤ BẢO QUẢN HÀNG HOÁ

#### GIỚI THIỆU CHƯƠNG

Chương 2 là chương giới thiệu các kỹ thuật nghiệp vụ bảo quản hàng hoá như chất xếp hàng hoá, khống chế các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến chất lượng hàng hoá, quản lý hao hụt, phòng cháy chữa cháy ...

#### MỤC TIÊU

##### 1. Về kiến thức:

- Trình bày được các yêu cầu của nghiệp vụ bảo quản;
- Trình bày được các phương pháp chất xếp hàng hoá
- Trình bày được các yếu tố làm ảnh hưởng tới chất lượng hàng hoá và các biện pháp khắc phục các yếu tố đó
- Hiểu được cách quản lý hao hụt
- Trình bày được các nguy cơ gây cháy
- Trình bày được các kỹ thuật bảo quản

##### 2. Về kỹ năng:

- Phân tích các yếu tố của môi trường tự nhiên có ảnh hưởng như thế nào đến chất lượng hàng hoá trong bảo quản;
- Liệt kê được các giải pháp khắc phục các yếu tố môi trường tự nhiên trong bảo quản hàng hoá
- Thao tác đúng các cách bao gói hàng hoá

##### 3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Ý thức được tầm quan trọng và ý nghĩa thực tiễn của kỹ thuật nghiệp vụ bảo quản hàng hoá
- Thái độ học tập nghiêm túc, tích cực trong thảo luận các nội dung giảng viên nêu ra.

#### PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP CHƯƠNG 2

- Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng giảng dạy tích cực (diễn giảng, vấn đáp, dạy học theo vấn đề); yêu cầu người học thực hiện câu hỏi thảo luận (cá nhân hoặc nhóm).

- Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (chương 2) trước buổi học; hoàn thành đầy đủ câu hỏi thảo luận chương 2 theo cá nhân hoặc nhóm và nộp lại cho người dạy đúng thời gian quy định.

### **ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG 2**

- Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Không

- Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu và các thiết bị dạy học khác

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan.

- Các điều kiện khác: Không có

### **KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG 2**

- Nội dung:

+ Kiến thức: Kiểm tra và đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức

+ Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.

+ Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Trong quá trình học tập, người học cần:
- Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
- Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- Nghiêm túc trong quá trình học tập.

- Phương pháp:

+ Điểm kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra (hình thức: hỏi miệng)

+ Kiểm tra định kỳ lý thuyết: không có

## **NỘI DUNG**

### **Chương 2: Kỹ thuật nghiệp vụ bảo quản hàng hóa**

#### **1. Yêu cầu nghiệp vụ bảo quản hàng hóa**

Yêu cầu cơ bản của nghiệp vụ bảo quản hàng hoá là:

- Giữ gìn tốt chất lượng và giảm đến mức thấp nhất hao hụt về số lượng và chất lượng của hàng hoá.

- Sử dụng hợp lý diện tích và dung tích kho, bảo đảm các nghiệp vụ kho tiến hành thuận tiện.

- An toàn cho mọi người, hàng hoá và thiết bị, kho tàng.

Thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ, thể lệ nguyên tắc về quản lý nghiệp vụ - kỹ thuật và quản lý kinh tế tài chính

#### **1.1. Đảm bảo điều kiện chứa hàng**

- + Nơi chứa hàng phải đảm bảo diện tích, có mái che, thoáng, an toàn phòng gian bảo mật, đảm bảo các yêu cầu phòng cháy chữa cháy, thuận tiện cho việc xuất nhập hàng hóa...

#### **1.2. Kiểm tra, kiểm kê hàng hóa và đảo hàng**

- + Hàng hóa phải được mã hóa, nhập kho

- + Hàng hóa phải được phân loại, sắp xếp hợp lý trên các giá kệ, khu vực riêng

- + Đầu mỗi kệ cần có các thông tin về số lượng, chủng loại hàng hóa để thuận tiện cho việc kiểm tra, kiểm kê và đảo hàng.

#### **1.3. Phòng chống cháy nổ, bảo hộ LĐ và vệ sinh môi trường bảo quản**

- + Xây dựng nhà kho đảm bảo yêu cầu PCCC, hàng năm tập huấn PCCC cho nhân viên, sử dụng bảo hộ lao động theo quy định, đặc biệt đối với các hàng hóa độc hại, đảm bảo vệ sinh môi trường bảo quản.

### **2. Nội dung của nghiệp vụ bảo quản hàng hóa**

#### **2.1 Phân bổ và chất xếp hàng hoá trong kho**

Phân bổ và chất xếp hàng hoá trong kho hợp lý, đúng yêu cầu kỹ thuật sẽ góp phần giữ gìn tốt chất lượng và giảm hao hụt số lượng hàng bảo quản, thuận tiện cho việc xuất nhập, di chuyển, kiểm tra, kiểm kê hàng hoá; đảm bảo an toàn và nâng cao



được năng suất lao động; sử dụng hợp lý các trang thiết bị, diện tích dung tích kho.

#### a. Phân bố hàng hoá

Phân bố hàng hoá trong kho là việc phân chia khu vực bảo quản cho từng loại hàng, từng nhóm hàng nhất định.

Phân bố hàng hoá bảo quản trong kho phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Không gây ảnh hưởng xấu giữa hàng hoá này đến hàng hoá khác (tuân thủ thể lệ lân cận trong bảo quản). Để thực hiện nguyên tắc này, khi phân bố phải căn cứ vào tính chất đặc điểm của hàng hoá đưa vào bảo quản.

Hàng có mùi không để gần hàng dễ bắt mùi. Chè, thuốc hút, dầu thơm, xà phòng, đường..., không được để gần nhau.

Hàng ẩm ướt không được để gần hàng khô, hàng dễ hút ẩm. Xà phòng không được để gần đường, đường ẩm ướt không để gần hàng khô.

Hàng dễ bốc cháy không để chung với hàng dễ cháy. Xăng dầu cần có khu vực bảo quản riêng.

- Hàng có yêu cầu bảo quản (về nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng) khác nhau không thể bảo quản chung với nhau. Phim, giấy ảnh không thể bảo quản chung với nhạc cụ, máy thu thanh và các linh kiện máy.

- Hàng kém chất lượng không bố trí bảo quản cùng với hàng có chất lượng tốt. Hàng bị nhiễm trùng phải cách ly triệt để.

- Phân chia thành địa điểm cụ thể cho từng kiện hàng, từng nhóm hàng.

- Khi phân bố hàng hoá, ngoài việc căn cứ vào tính chất, đặc điểm của hàng hoá còn phải căn cứ vào quy luật nhập xuất, nguồn hàng nhập và nơi giao hàng, tình trạng bao bì để phân bố cho hợp lý.

Hàng dễ bảo quản trong kho lâu ngày, nhập xuất thưa thì bố trí xa cửa ra vào. Hàng bảo quản trong kho ngắn ngày, xuất nhập luôn và những hàng nặng, cồng kềnh thì bố trí gần cửa ra vào.

- Mỗi khu vực bảo quản cần có sơ đồ đánh số hoặc ghi ký hiệu để dễ phân biệt và dễ tìm. Đảm bảo cho nghiệp vụ kho được tiến hành thuận tiện, đạt năng suất lao động cao, tiết kiệm được diện tích và dung tích kho.

Để thực hiện nguyên tắc này, khi phân bố hàng bảo quản phải đảm bảo khoảng cách giữa các đống hàng với nhau. Khoảng cách giữa các đống hàng và tường kho, đường đi lại và di chuyển hàng hoá trong kho hợp lý, để hàng hoá từ khi nhập đến khi xuất không phải đi đường vòng, sử dụng các phương tiện bốc dỡ, di chuyển hàng hoá thuận tiện và sử dụng hợp lý các diện tích, dung tích kho.

Khoảng cách giữa các đống hàng với nhau thường từ 1-1,5 m, giữa đống hàng và tường kho từ 0,3 - 0,5m, đường đi lại và di chuyển hàng hoá từ 1,5- 2m.

#### b. Chất xếp hàng hoá

Chất xếp hàng hoá trong kho cũng phải đảm bảo các nguyên tắc như đối với phân bố hàng hoá, ngoài ra còn phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

*An toàn cho người và hàng hoá:*

Chất xếp hàng hoá bảo đảm tiêu chuẩn quy định chất xếp đối với mỗi loại hàng. Hàng chưa có quy định tiêu chuẩn chất xếp thì căn cứ vào khối lượng các, hòm, bao, kiện: loại bao bì đóng gói hàng hoá và tỉ trọng của hàng hoá mà quyết định mức chất xếp. Nói chung hàng nặng không để trên hàng dễ dập vỡ, hàng đóng trong bao bì mềm; hàng nặng, hàng dễ vỡ, hàng đóng trong bao bì mềm không chất xếp đồng cao.

- *Thuận tiện cho việc thông gió tự nhiên:*

Chất xếp hàng hoá phải căn cứ vào yêu cầu nhiệt độ, độ ẩm bảo quản của mỗi loại hàng, căn cứ vào mùa và loại kho bảo quản. Hàng có độ ẩm cao, hàng yêu cầu cần nhiệt độ, độ ẩm bảo quản thấp khi chất xếp bảo đảm có độ thoáng nhất định. Tuy theo mùa là mùa nóng hay mùa lạnh mà xếp chồng hàng cao hay thấp, rộng hay hẹp khác nhau. Mùa lạnh có thể xếp chồng hàng cao và rộng hơn mùa nóng. Kho kiên cố hay kho có trần thì xếp chồng hàng cao hơn kho mái tôn.

- *Dễ thấy, dễ lấy, dễ kiểm:*

Mỗi đồng hàng nên xếp một loại hàng có cùng chất lượng. Các bao, hòm, kiện phải xếp mặt có ghi nhãn ra phía ngoài đồng hàng. Mỗi đồng hàng đều phải có tích kê tên hàng, ký hiệu, số lượng, ngày nhập, xuất, người nhận,...

- *Xếp đúng ký hiệu hướng dẫn ngoài bao bì:*

Mỗi hòm, bao, kiện hàng thường có ghi ký hiệu hướng dẫn cách chất xếp và bảo quản. Khi chất xếp hàng hoá bảo quản trong kho cũng như chất xếp hàng hoá lên phương tiện vận tải hay để hàng ở bên bãi phải tuyệt đối tuân thủ ký hiệu hướng dẫn này. Chất xếp hàng hoá đúng ký hiệu hướng dẫn sẽ tránh được tình trạng hư hỏng do đổ, vỡ để ngược.

Để thực hiện tốt việc chất xếp hàng hoá, phải xây dựng tiêu chuẩn chất xếp cho các loại hàng ở kho, phải bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn và giáo dục tư tưởng cho cán bộ nhân viên công tác trong kho để họ thực hiện tốt những quy định về chất xếp hàng hoá.

Hàng công nghiệp bảo quản trong kho thường được chất xếp trên giá, tủ và xếp thành chồng.

+ Phương pháp xếp trên giá, tủ:

Phương pháp xếp trên giá, tủ thường được áp dụng với những hàng hoá đã mở bao, hàng lẻ còn thừa và hàng quý cần được bảo quản ở tủ chuyên dùng.

Phương pháp xếp trên giá, tủ thuận tiện cho việc xuất nhập hàng, khắc phục hiện tượng nhậm lẫn, tiết kiệm được diện tích kho...

Theo phương pháp này, thường dùng các loại giá: giá từng tấm, giá ô vuông, giá hỗn hợp, giá nhiều tầng có nhiều ô kéo.

Giá từng tấm là loại giá do nhiều tấm ván gỗ ghép thành, mỗi tấm ghép là một tầng của giá. Giá này thường được xếp những loại hàng như: vải, hàng dệt kim, hàng may sẵn, hàng da, dụng cụ gia đình... Kích thước của giá và số tầng tùy theo kho (rộng hay hẹp, cao hay thấp) và tùy lượng hàng xuất lẻ hàng ngày để bố trí giá cho phù hợp.

Giá ô vuông khác giá từng tấm là mỗi tầng có ván ngăn cách thành ô vuông, ô lớn hay nhỏ là tùy thuộc vào lượng hàng chứa bình quân trong ô để bố trí. Giá ô vuông dùng để chứa và bảo quản hàng hoá lẻ nhỏ, từng chiếc như: hàng tạp hoá, hàng mỹ phẩm, văn phòng phẩm và đồ điện.

Giá hỗn hợp là loại giá kết hợp hai loại giá trên. Nó có ưu điểm là tiện lợi và chứa được nhiều loại hàng. Tùy tình hình hàng hoá cần chất xếp, bảo quản có thể thay đổi số tầng, ô nhiều, ít cho phù hợp.

Giá nhiều tầng có ngăn kéo là loại giá ô vuông có ngăn kéo. Giá này dùng để bảo quản hàng nhỏ, đắt tiền.

Ngoài 4 loại giá trên, trong kho lớn còn dùng kệ bằng gỗ, kệ bằng ximăng cốt thép hoặc giá bằng kim loại có thể ghép nối với nhau để chất xếp và bảo quản hàng hoá.

+ Phương pháp xếp thành chồng:

Phương pháp chất xếp thành chồng thường áp dụng để chất xếp hàng hoá đóng trong các bao bì bằng gỗ, bằng kim loại và bằng giấy. Phương pháp chất xếp thành chồng có kiểu xếp hình khối tháp và kiểu hình khối lập phương.

Chất xếp kiểu hình khối tháp, thường áp dụng để xếp những hàng chứa trong thùng phuy, thùng gỗ tròn, trong bể sọt... và đóng gói các bao như: đường, muối. Khi chất xếp cứ xếp thêm một lớp hàng lại rút bớt một thùng hoặc bao. Chất xếp kiểu hình khối tháp, lực phân tán đều trên đồng hàng, nên lớp hàng dưới không bị lực ép lớn, đồng hàng vững chắc.

- Chất xếp kiểu khối lập phương, có các kiểu: xếp thẳng, xếp cách ván, xếp trái ngược, xếp chéo chữ thập, xếp miệng giếng, xếp đứng.

+ *Xếp thẳng ngang*: Theo phương pháp xếp này thì vị trí bao, kiện hàng lớp trên cùng sắp xếp như vị trí bao, kiện hàng lớp dưới. Phương pháp xếp thẳng thường áp dụng xếp các hàng chứa trong các thùng bằng gỗ, bằng kim loại và có thể áp dụng xếp các loại hàng như: ximăng, phân hoá học là những hàng ít chịu sự biến đổi do ảnh hưởng của nhiệt độ. Xếp thẳng có ưu điểm: dễ xếp, dễ lấy, dễ kiểm.

+ *Xếp cách ván*: Là hình thức xếp thẳng, điểm khác là ở giữa các lớp hàng có đệm thêm những tấm ván mỏng, nhỏ nhằm thoát ẩm, thoát nhiệt dễ dàng và để chồng hàng vững chắc hơn. Xếp cách ván thường áp dụng khi xếp những loại hàng dễ bị ảnh hưởng xấu của nhiệt độ, độ ẩm không khí và xếp các loại hàng chứa trong bao bì mềm như: các kiện vải, sợi tơ, lụa.

+ *Xếp trái ngược*: Mỗi lớp cứ hai hòm hoặc bao dọc xếp ngược chiều vuông góc với một hòm hoặc bao ngang, hay một hòm hoặc bao dọc xếp ngược chiều vuông góc với hai bao ngang. Lần lượt lớp trên xếp ngược chiều với lớp dưới. Xếp trái ngược, đồng hàng vững chắc, thường áp dụng khi xếp những bao, kiện có chiều dài gấp đôi chiều ngang.

+ *Xếp chéo chữ thập*: Theo cách xếp này, cứ 2 bao hoặc hòm lớp trên vắt ngang lên 2 bao hoặc hòm lớp dưới. Cách xếp này thường áp dụng ở những kho hình chữ nhật.

+ *Xếp miêng giếng*: Lớp dưới cùng gồm 4 hòm hoặc bao xếp vuông góc với nhau, lớp trên cách lớp dưới nhưng chênh lệch đi 1 hòm để cứ mỗi hòm hoặc bao lớp trên nằm trên đường vuông góc của 2 hòm hoặc bao hàng lớp dưới. Với cách xếp này, ở giữa chõng hàng có khoảng trống, không khí lưu thông dễ dàng. Kiểu xếp miêng giếng thường áp dụng khi xếp những hàng hoá dễ bị ảnh hưởng của nhiệt độ cao làm biến chất như: sữa, phim, giấy ảnh.

+ *Xếp đứng*: kiểu xếp thường áp dụng để xếp các kiện nhung, len, dạ, giấy ảnh, giấy vẽ thành cuộn... nhằm bảo đảm cho tuyết nhung, dạ, len không bị xây xát, giấy ảnh không bị dính các lớp thuốc lại với nhau, giấy vẽ không bị gãy do chịu lực ép lớn của kiện hàng.

## 2.2 Không chế các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến hàng hoá

Hàng hoá trong quá trình bảo quản thường bị ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài làm hao hụt, giảm chất lượng hoặc hư hỏng hoàn toàn. Các yếu tố bên ngoài đó thường là: khí hậu, nấm mốc, côn trùng và động vật phá hoại khác. Trong công tác bảo quản phải hết sức xem trọng việc không chế các yếu tố này.

### a. Khí hậu

Trong các yếu tố gây ảnh hưởng xấu đến hàng hoá trong bảo quản thì yếu tố khí hậu là đáng chú ý nhất.

#### *Ảnh hưởng của độ ẩm đến hàng hoá trong bảo quản*

Độ ẩm của không khí cao sẽ làm cho: hàng vải sợi, hàng da, máy ảnh, kính hiển vi, đồ dùng bằng thuỷ tinh bị mốc, các màng sơn sơn trên hàng hoá bị rộp. Máy thu thanh, thiết bị điện tử, dụng cụ đồ điện chất lượng bị giảm sút hoặc hư hỏng, làm giảm độ cách điện của các vật liệu cách điện. Hàng kim loại bị gỉ nhanh chóng, các bao bì làm bằng giấy dễ bị rách, bao bì bằng gỗ dán bị bong;...

Độ ẩm của không khí quá thấp làm cho một số vật liệu, hàng hoá bị bốc hơi nước, dẫn đến kích thước bị thay đổi hoặc biến dạng. Ví dụ: hàng đồ gỗ khi trời khô hanh thường bị nứt nẻ, cong vênh.

Tất cả các loại hàng hoá đều chứa một lượng hơi nước nhất định (thường gọi là thuỷ phần an toàn). Với thuỷ phần an toàn, hàng hoá có thể bảo quản lâu ngày mà không xảy ra những biến đổi đáng kể về số lượng cũng như về chất lượng.

Độ ẩm của hàng hoá phụ thuộc nhiều vào nhiệt độ, độ ẩm tương đối của không khí.

Khi nhiệt độ không đổi, độ ẩm tương đối của không khí tăng lên sẽ làm cho độ ẩm của hàng hoá tăng lên và khi độ ẩm của không khí giảm đi sẽ làm cho độ ẩm của hàng hoá giảm đi.

Khi độ ẩm của không khí không đổi, nhiệt độ tăng lên sẽ làm cho độ ẩm của hàng hoá giảm đi, và khi nhiệt độ giảm sẽ làm cho độ ẩm của hàng hoá tăng lên.

- Các biện pháp chống ẩm:

Để hạ thấp độ ẩm trong kho, người ta thường áp dụng các biện pháp như: thông gió, tăng nhiệt độ của môi trường và dùng các chất hút ẩm.

\* Thông gió:

Thông gió có hai phương pháp: thông gió bằng máy và thông gió tự nhiên. Thông gió tự nhiên là lợi dụng lúc không khí ngoài kho khô ráo, mát mẻ hơn không khí trong kho thì mở cửa kho để hạ thấp nhiệt độ, độ ẩm trong kho.

Muốn thực hiện tốt việc thông gió tự nhiên, cần nắm vững các điều kiện thông gió và phương pháp mở cửa kho.

Điều kiện để thông gió tự nhiên.

*Điều kiện về thời tiết:* Ngoài trời không mưa, không có sương mù, sấm sét và không có gió từ cấp 4 trở lên.

Khi trời mưa hay sương mù là lúc ngoài trời có độ ẩm cao, mở cửa thông gió sẽ có hại, làm cho độ ẩm trong kho tăng lên. Sấm sét sinh ra khí CO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, khí này thâm nhập vào kho sẽ có ảnh hưởng xấu đến bảo quản hàng hoá. Gió từ cấp 4 trở lên (gió mạnh) sẽ mang theo cát bụi vào kho làm bẩn hàng hoá.

*Điều kiện về nhiệt độ:* Nhiệt độ ngoài kho không được thấp hơn 10°C và không được cao quá 32°C.

Nếu nhiệt độ dưới 10°C, khi mở kho, hơi lạnh sẽ tràn vào làm ngưng tụ hơi nước, hàng hoá dễ bị nhiễm ẩm.

Nếu nhiệt độ trên 32°C, khi mở cửa thông gió, khí nóng tràn vào làm ngưng tụ hơi nước, hàng hoá dễ bị nhiễm ẩm.

*Điều kiện về độ ẩm tuyệt đối:* Độ ẩm tuyệt đối ngoài kho phải thấp hơn độ ẩm tuyệt đối trong kho.

*Điều kiện về điểm sương:* Nhiệt độ thấp nhất của một trong hai môi trường (trong hoặc ngoài kho) không được thấp hơn 1°C so với nhiệt độ điểm sương của môi trường có nhiệt độ cao.

*Phương pháp mở cửa kho để thông gió:*

Phương pháp mở cửa kho để thông gió được tiến hành theo trình tự sau:

- + Mở cửa thông gió theo hướng gió thổi tới để tạo ra luồng gió mạnh vào kho.
- + Mở dần những cửa hai bên để cho luồng không khí mới đó thổi đều vào kho và vào các đóng hàng.
- + Mở tiếp các cửa còn lại để luồng gió mới đưa không khí không thích hợp ra ngoài.

Theo trình tự trên, gió từ ngoài thổi vào không làm nhiệt độ trong kho thay đổi đột ngột, đồng thời gió thổi đều khắp, không đi theo luồng.

Lượng gió thổi vào nhà kho còn phụ thuộc vào hướng gió thổi thẳng hoặc xiên vào cửa thông gió. Nếu hướng gió thổi thẳng vào cửa thì lượng không khí trong kho thay đổi nhanh chóng, thời gian thông gió rút ngắn.

Ở nước ta, việc thông gió tự nhiên có thể tiến hành trong các tháng nóng và các tháng khô ráo, còn các tháng mưa và các tháng có độ ẩm cao (3, 4, 8, 9) thì khó có thời cơ thông gió.

\*Tăng nhiệt độ của môi trường là làm tăng khả năng chứa ẩm của không khí, do đó, độ ẩm tương đối của không khí hạ xuống.

Biện pháp tăng nhiệt độ để hạ thấp độ ẩm tương đối của không khí có thể áp dụng rất thuận lợi về mùa đông, đối với các kho hàng cũng như các quây tủ. Về mùa đông, độ ẩm ngoài trời thường thấp, nên nếu kết hợp biện pháp tăng nhiệt độ và sau đó thông gió cho kho thì kết quả rất tốt.

Để tăng nhiệt độ cho kho, có thể dùng lò sưởi (lò sưởi than, lò sưởi điện) hoặc ống dẫn hơi nóng. Trong các quây, tủ có thể dùng dòng điện trở hoặc đèn điện.

\*Chất hút ẩm: có thể được dùng rộng rãi và thuận tiện với các kho quy mô nhỏ, trong các tủ, hòm, bao gói hay đặt trong các máy móc.

Dùng các chất hút ẩm phải bảo đảm môi trường kín. Vị trí đặt các chất hút ẩm phải phân bố đều. Lượng sử dụng tùy theo khả năng hút ẩm của từng chất, tùy thuộc vào lượng hơi nước trong môi trường, tùy thuộc thể tích của kho, quây, tủ... và yêu cầu về độ ẩm bảo quản của mỗi loại hàng. Các chất hút ẩm thường dùng là: canxi clorua, silicagen, canxi oxit.

Canxi clorua ( $\text{CaCl}_2$ ) có khả năng hút ẩm rất mạnh, có thể hút được 200% hơi nước so với khối lượng bản thân. Nhưng canxi clorua có nhược điểm là khi hút ẩm thì chảy nước.

Canxi Clorua thường dùng để hút ẩm trong các tủ bảo quản và kho nhỏ, không dùng để hút ẩm trong các hòm, hộp, máy móc. Để canxi clorua vào các thùng hoặc khay kim loại rồi đặt trong tủ hoặc kho. Thùng hoặc khay chứa phải có thể tích gấp 4 - 5 lần thể tích canxi clorua để tránh tràn ra ngoài khi đã hút no hơi nước. Theo kinh nghiệm thì canxi clorua có khả năng hút ẩm được từ 20 -30 ngày.

Vôi sống ( $\text{CaO}$ ) có khả năng hút ẩm mạnh, có thể hút được 30% hơi nước so với khối lượng bản thân. Vôi sống là chất hút ẩm rẻ tiền dễ kiếm. Nhưng dùng vôi sống có nhược điểm là: khi hút ẩm thì tỏa nhiệt, làm tăng nhiệt độ của môi trường, vôi hút ẩm rồi sẽ bị tả ra thành bột và không sử dụng lại được, vôi bột có thể bay lên cao và bám vào hàng hoá.

Vôi sống được đặt trong các thùng để dưới chân đóng hàng. Lượng vôi chỉ chiếm 1/3 thùng để tránh khi hút no nước tràn ra ngoài. Thường 500m<sup>2</sup> kho dùng 50 kg vôi sống. Khi dùng vôi hút ẩm phải thường xuyên kiểm tra. Lúc thấy vôi đã tả thành bột, thể tích tăng gấp 2 lần so với ban đầu thì thay bằng vôi khác.

Silicagen có thể hút được 30 - 50% hơi nước so với khối lượng bản thân. Dùng silicagen hút ẩm rất sạch sẽ, không chảy nước như canxi clorua, không tỏa nhiệt như vôi sống, không gây phản ứng hoá học khi tiếp xúc với hàng hoá. Sau khi silicagen

hút no nước, có thể đem sấy khô sử dụng lại được. Khi chưa hút nước silicagen có màu trắng trong suốt, khi đã hút nước thì bị đục mờ. Silicagen đắt tiền nên thường sử dụng bảo quản ở môi trường nhỏ, mà không dùng trong kho tàng.

Silicagen thường được đựng trong các túi nhỏ từ 50 – 100g, đặt trong các hòm tủ, máy móc. Trước khi sử dụng phải đem sấy hoặc rang khô. Đối với các hòm thùng kín thì sau 2-3 tuần sử dụng: với các hòm thùng không kín thì sau 1 tuần phải đem sấy hoặc rang để sử dụng lại.

### *Ảnh hưởng của nhiệt độ và phương pháp chống nóng*

Ảnh hưởng của nhiệt độ đến hàng hoá bảo quản trong kho:

Dưới tác dụng của nhiệt độ cao, một số vật liệu, hàng hoá bị hao hụt về số lượng, chất lượng bị giảm sút đến hư hỏng hoàn toàn. Ví dụ:

Nhiệt độ cao, hoá chất chứa trong chai, lọ nổ vỡ do hiện tượng nở nhiệt; cồn xăng dầu bị bay hơi, dầu mỡ từ thể đặc chuyển sang thể lỏng, độ nhớt giảm, dễ bị óxi hoá; cao su bị mềm ra, dính chảy, mất tính đàn hồi; phim giấy ảnh bị chảy dính, pin bị khô, kính quang học bị rạn nứt...

Nhiệt độ cao còn là điều kiện thuận lợi cho nấm mốc phát triển phá hoại hàng hoá.

Nhiệt độ thay đổi đột ngột làm cho màng sơn bị bong, bề mặt hàng hoá bị hơi nước ngưng tụ. Việc hơi nước ngưng tụ trên bề mặt hàng bằng kim loại làm cho quá trình han gỉ xảy ra nhanh hơn.

Các biện pháp chống nóng:

Để chống nóng cho kho hàng và hàng hoá, người ta thường áp dụng các biện pháp: thông gió, che phủ, và máy điều hoà nhiệt độ.

Thông gió: cũng như việc chống ẩm trong kho, người ta có thể dùng máy để thông gió hoặc dùng phương pháp thông gió tự nhiên. Nói chung về nguyên tắc, khi nhiệt độ trong kho cao hơn nhiệt độ ngoài kho, thì mở cửa để thông gió. Ngược lại nếu nhiệt độ ngoài kho cao hơn nhiệt độ trong kho thì không thông gió. Trường hợp nhiệt độ trong kho cao hơn ngoài kho, nhưng độ ẩm bên ngoài lại cao hơn bên trong kho và yêu cầu chống ẩm là chính thì không nên mở cửa kho.

Kinh nghiệm cho thấy, nếu ngoài trời mát mẻ, nên mở cửa thông gió vào khoảng 6 - 9 giờ sáng hoặc vào lúc 18 giờ. Mùa hè nóng bức nên thông gió vào chiều tối.

Che phủ là biện pháp hạn chế sức nóng từ mái tôn dội xuống và từ các cửa đội vào kho. Áp dụng biện pháp này, các kho phải có trần, trần có thể bằng cốt hoặc gỗ dán, tốt nhất là trần bằng vôi rom, mái kho thường phủ bằng rom rạ, tranh cỏ. Với mái kho là mái bằng, nên dùng tre, gỗ để kê cho lớp phủ cách mặt mái độ 20 - 30cm thì khả năng cách nhiệt cũng tốt. Dùng giấy trắng hoặc sơn trắng sơn các cửa kính; dùng phen, rèm để che các cửa sổ, cửa ra vào có các tia nắng mặt trời chiếu vào.

Dùng máy điều hoà nhiệt độ; có thể dùng máy điều hoà nhiệt độ để tường hoặc kiểu để cửa sổ. Đối với phòng lớn hơn 50m<sup>2</sup> dùng máy để cửa sổ. Máy thường có sẵn những nút bấm để điều chỉnh tốc độ quạt gió nóng hoặc mát. Các kho dùng máy điều

hoà nhiệt độ cần có phòng đợi để hàng hoá xuất nhập không bị thay đổi đột ngột nhiệt độ.

### *Ảnh hưởng của ánh nắng và phương pháp hạn chế tác động của ánh nắng*

Ảnh hưởng của ánh nắng đến hàng hoá trong bảo quản:

Ánh nắng mặt trời là một trong những yếu tố bên ngoài gây nên những biến đổi xấu đối với hàng hoá. Ánh nắng mặt trời là tập hợp ánh sáng nhiều tia. Trong các tia đó, tia tử ngoại tuy chỉ chiếm 2%, nhưng lại gây ảnh hưởng lớn hơn cả, tia đỏ và tia hồng ngoại có tác dụng nhiệt gọi là các tia bức xạ nhiệt. Khi hàng hoá hấp thụ các tia bức xạ nhiệt thì bề mặt nóng lên. Nhiệt do tia hồng ngoại và tia tử ngoại gây nên gọi là nhiệt độ bức xạ. Cường độ bức xạ nhiệt càng mạnh thì tác dụng gây nhiệt ngày càng lớn. Vì vậy khi hàng hoá bị ánh nắng chiếu vào, với thời gian nhất định sẽ thay đổi về chất lượng. Ví dụ: khi bị ánh sáng mặt trời chiếu vào lâu, cao su bị giòn, cứng, rạn nứt, mất tính đàn hồi; màng sơn và vecni bị phá huỷ; hàng vải sợi bị giảm độ bền, phai màu...

Phương pháp hạn chế tác động của ánh nắng:

*Che:* nói chung không được để hàng hoá ngoài trời nắng. Trường hợp phải để hàng ngoài trời hoặc hàng đang trên đường vận chuyển, hàng hoá phải được che phủ cẩn thận. Dụng cụ để che phủ thường là vải bạt, tấm cốt, nilon màu...tại các kho bảo quản, các cửa thường có rèm, phen để che.

*Bao gói:* bao gói cũng là phương pháp hạn chế tác động của ánh sáng, nhất là những hàng dễ biến chất, hàng có màu. Thường dùng giấy để bao gói.

*Chống gỉ:* một trong những biến đổi quan trọng và nguy hiểm đối với bề mặt kim loại là gỉ. Gỉ là hiện tượng phá hoại bề mặt kim loại dưới tác dụng của môi trường ẩm ướt, nhiệt độ cao hoặc dung dịch có chứa các hoá chất có hoạt tính. Phần lớn các bề mặt kim loại đều có khả năng bị gỉ, nhưng dễ gỉ hơn cả là sản phẩm bằng thép. Trong các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình đó, thì độ ẩm không khí là đáng chú ý hơn cả. Bụi và các phần tử bám trên bề mặt hàng hoá sẽ hấp thụ hơi nước và các chất khí ( $\text{CO}_2$ ,  $\text{SO}_2$ ,  $\text{SO}_3$ ,...) cũng là các yếu tố làm cho hàng kim loại bị gỉ.

Vì vậy, việc giữ gìn hàng hoá khô ráo, sạch sẽ là điều kiện rất quan trọng để hạn chế những tổn thất do gỉ gây nên. Trong bảo quản hàng hoá, để chống gỉ ta thường dùng phương pháp sơn phủ và bôi dầu mỡ.

+ Sơn phủ: phủ sơn là phương pháp được sử dụng rộng rãi để bảo vệ hàng kim loại. Độ bền của lớp sơn phủ phụ thuộc vào chất lượng của sơn và kỹ thuật sơn.

Người ta thường dùng bột chì ( $\text{Pb}_3\text{O}_4$ ) hoặc bột nhôm ( $\text{Al}_2\text{O}_3$ ) để sơn lót chống gỉ.

+ Bôi dầu, mỡ: bôi dầu mỡ cũng là phương pháp được sử dụng rộng rãi để ngăn ngừa các hàng kim loại bị gỉ. Dầu mỡ dùng để bôi chống gỉ phải đạt các yêu cầu: có tính ổn định cao, không có tính ăn mòn, không lẫn tạp chất và nước, không chịu nhiệt độ cao.

### *b. Phòng trừ mốc, côn trùng và chuột*



## \* Phòng trừ mốc

Nấm mốc và ảnh hưởng của nấm mốc đến hàng hoá:

Nấm mốc phát triển trên giấy, vải, da, vật liệu điện, các loại keo động vật, làm cho sản phẩm bị hoen ố, mục nát, phai màu. Trong quá trình phá hoại, nấm mốc biến xenlulo thành dung dịch đường để làm thức ăn cho nó. Sự phát triển của nấm mốc bao giờ cũng kèm theo việc làm tiêu hao một lượng vật chất của môi trường sinh sống của chúng. Vì vậy khi bị nấm mốc, độ bền của vật liệu hàng hoá luôn luôn bị giảm sút.

Để phòng nấm mốc phá hoại phải làm tốt công tác sau:

+ Vệ sinh kho, dụng cụ, bao bì trước và sau khi sử dụng. Nếu thấy kho, dụng cụ, bao bì bị ẩm ướt có mốc phải tổ chức vệ sinh mạnh mẽ, diệt mốc rồi mới sử dụng.

+ Tổ chức tốt việc tiếp nhận hàng hoá: kiểm tra hàng hoá, bao bì trước lúc nhập kho. Với những hàng dễ mốc, phải kiểm tra kỹ lưỡng hàng ít mốc. Nếu thấy bao bì rách, hàng có hiện tượng ẩm ướt phải kiểm tra kỹ lưỡng hàng hoá bên trong. Hàng bị ẩm ướt phải để riêng rồi tùy theo tính chất hàng hoá mà xử lý, khi đảm bảo yêu cầu mới đưa vào bảo quản. Hàng bị mốc phải cách ly, không được để trong khu vực bảo quản. Tùy theo loại hàng mà lựa chọn phương pháp xử lý thích hợp như: phơi, chải, lau hoặc dùng hoá chất để diệt.

+ Phân bố, chất hàng hoá đúng với yêu cầu bảo quản của mỗi loại hàng, bảo đảm thuận tiện cho việc chống ẩm, chống nóng và kiểm tra. Với những hàng dễ mốc không để ở những kho ẩm thấp, phải để ở kho khô ráo, xa ao hồ. Cách ly triệt để những hàng hoá đã bị mốc với hàng hoá tốt.

+ Thực hiện tốt chế độ bảo quản như: quản lý tốt nhiệt độ, độ ẩm trong kho; thường xuyên kiểm tra hàng hoá và kho để kịp thời phát hiện hàng hoá bị ẩm mốc và kho có bị dột hay ẩm để có biện pháp xử lý kịp thời. Định kỳ vệ sinh kho để tránh điều kiện mốc phát triển. Cách ly ngay hàng bị mốc, bị ẩm ở khu vực bảo quản.

+ Bao bì, dụng cụ phải để riêng, không để lẫn với hàng hoá.

Biện pháp diệt mốc:

Tùy theo loại hàng và mức độ mốc, người ta có phương pháp diệt mốc thích hợp. Để diệt mốc trên hàng công nghiệp, người ta thường dùng phương pháp sau:

+ Phương pháp vật lý kết hợp với phương pháp thông thường: đối với một số loại hàng như: vải sợi, lụa, len dạ, đồ gỗ bị mốc, tùy theo mức độ mốc và loại hàng mà dùng phương pháp: lau, chùi lớp mốc trên hàng và hong gió hay phơi để lợi dụng ánh sáng mặt trời diệt mốc. Khi phơi phải chú ý tránh để hàng hoá bị cong vênh, nứt hoặc giòn...

+ Dùng hoá chất: hoá chất cũng được dùng để diệt nấm mốc trên hàng hoá. Hoá chất dùng chống mốc mang tính đặc hiệu, nghĩa là mỗi thứ chỉ có tác dụng diệt một loại mốc nhất định. Nói chung, thuốc chống mốc đều độc với người, nên khi dùng phải lưu ý. Hoá chất thường dùng chống mốc là sắt oxit, hợp chất đồng, tanin, crom, lưu huỳnh...

Sắt oxit dùng để tẩy mốc trên kính gương. Foormon dùng tẩy mốc cho giấy. Hợp

chất đồng; tanin; crom tẩy mốc cho hàng vải sợi...

### \*Phòng chống côn trùng

#### *Tác hại của côn trùng:*

+ Côn trùng phát sinh do nhiều nguyên nhân, chúng có thể đã có trong hàng hoá khi nhập kho hoặc còn ẩn náu trong kho, trong khe cửa, gầm sàn... do phát sinh từ những hàng hoá bảo quản trước; cũng có thể từ những bao bì, phương tiện vận chuyển và các dụng cụ thiết bị hoặc do gió, chim, chuột mang vào kho.

+ Tác hại của côn trùng với hàng hoá là rất lớn. Chúng có thể trực tiếp cắn phá làm hỏng các hàng hóa như vải, gỗ lũa, giấy... Hoặc trong quá trình sống, côn trùng lột xác, bài tiết phân, nước tiểu, hơi nước... làm tăng độ ẩm của hàng hoá, làm màu sắc của hàng hoá bị thay đổi, hàng hoá bị nhiễm bẩn, nấm mốc dễ phát triển, hàng hoá dễ mục nát.

#### *Biện pháp để phòng côn trùng:*

+ Trong công tác bảo quản hàng hoá, phải quán triệt phương châm phòng trừ đi đôi, lấy phòng là chủ yếu. Công tác phòng côn trùng phải được quán triệt từ khi chuẩn bị kho và phương tiện bảo quản đến lúc xuất hàng khỏi kho.

Đề phòng côn trùng phải làm tốt các công tác sau:

Vệ sinh kho, dụng cụ, bao bì trước và sau khi sử dụng để diệt và tránh không cho côn trùng có điều kiện phát triển.

Kiểm tra hàng hoá bao bì trước lúc nhập kho. Nếu hàng hoá có côn trùng hoặc bị ẩm ướt phải để riêng, tổ chức xử lý và không được đưa vào kho bảo quản.

Phân bổ chất xếp hàng hoá đúng với yêu cầu bảo quản của mỗi loại hàng, bảo đảm thuận tiện cho công việc chống ẩm, chống nóng và kiểm tra hàng hoá, kho bảo quản.

+ Thực hiện tốt chế độ bảo quản như: quản lý tốt nhiệt độ, độ ẩm trong kho; thường xuyên kiểm tra hàng hóa, kiểm tra kho bảo quản để kịp thời phát hiện hàng hoá bị côn trùng phá hoại, phát hiện kho đột, ẩm để xử lý kịp thời; định kỳ vệ sinh kho để tránh điều kiện cho côn trùng ẩn nấp và phát triển. Cách ly hàng bị nhiễm côn trùng và ẩm ra khỏi khu vực bảo quản.

+ Không để lẫn bao bì, dụng cụ vào khu vực bảo quản hàng hoá.

#### *Biện pháp diệt côn trùng:*

+ Khi côn trùng đã phát sinh trong kho, tùy loại côn trùng và đặc tính của hàng hoá, có thể dùng các biện pháp diệt trừ như: dùng sức nóng, dùng ánh sáng, dùng hoá chất...

+ Dùng sức nóng: vừa có tác dụng diệt côn trùng vừa có tác dụng hạ thấp độ ẩm của hàng hoá. Với nhiệt độ từ 38 – 40<sup>0</sup> C côn trùng bị tê liệt, nhiệt độ trên 50<sup>0</sup> C côn trùng bị tiêu diệt. Tùy loại hàng hoá mà có thể dùng sức nóng do phơi nắng hay sấy để diệt côn trùng.

+ Dùng ánh sáng kích thích có thể bẫy được những côn trùng thích bay bồng như: các loại bướm và một số côn trùng thuộc bộ cánh cứng. Dựa vào đặc tính của

loại côn trùng này, dùng đèn dầu hoả hay đèn điện để trên chậu nước lã, trộn một ít dầu hoả hoặc thuốc 666 đặt vào trong kho. Về đêm, nhất là những đêm oi bức, côn trùng bay ra và rơi xuống nước chết. Biện pháp này chỉ có thể giảm được một phần chứ không diệt côn trùng được triệt để.

+ Dùng hoá chất: là biện pháp có hiệu quả cao nên hiện nay được sử dụng rộng rãi. Hoá chất thường dùng để diệt côn trùng trong kho là: 666, DDT, metyl bromua, nhôm fotfua.

#### \*Phòng, trừ mối

Đối với kho hàng công nghiệp, mối là tác nhân phá hoại nghiêm trọng. Mối không chỉ phá huỷ hàng hoá, mà đục phá các vật liệu làm bằng xenlulôza như: cột, xà nhà, cánh cửa, bục bệ, bao bì, giấy gỗ... Nền tường, mái kho có thể do mối xông mà sụp đổ. Mối còn nhả nước, tha đất ướt vào kho gây thêm ẩm ướt và làm bần kho, hàng hoá.

#### *Biện pháp phòng mối:*

+ Kho: Cần đề phòng ngay từ khi xây kho. Trước khi xây kho cần đào hết góc, rễ cây, gỗ mục trong đất, rải thuốc diệt trùng (DDT, 666) ở chỗ tiếp giáp móng và chân tường. Nếu là gạch, nền kho tốt nhất là đổ một lớp bê tông dày 9 – 10 mm. Nếu kho có cột gỗ, chân cột kê đá tảng hoặc lót chân cột bằng lá xoan và đất pha 10% muối ăn, chân cột quét hắc ín. Rắc thuốc diệt trùng quanh chân tường, ở chỗ ẩm thấp, chỗ tối là môi trường làm tổ.

+ Chất xếp hàng hoá đúng quy định (cách tường, cách nền 50cm, cách trần 80cm, giữa các đống hàng có lối đi) bảo đảm chống được mối xâm nhập, thuận tiện cho việc kiểm tra, vệ sinh thông gió..., loại bỏ các vật mà mối có thể làm điểm tựa để xâm nhập vào hàng hoá.

+ Cách ly chân kệ, bục xếp hàng với nền kho:

Dưới nơi đặt chân kệ, bục rắc thuốc diệt trùng dày 2mm, rộng ra xung quanh kệ 15cm, rồi đặt gạch kê, đặt bục, kệ lên. Dùng thuốc 666 hay bột DDT loại 5% hoặc thay bằng bột vôi. Nếu nền kho ẩm thì 3 tháng phải thay một lần.

+ Thực hiện tốt chế độ quản lý kho và hàng hoá: bảo đảm kho khô thoáng; thường xuyên kiểm tra kho, hàng hoá để kịp thời phát hiện mối, khi kiểm tra cần chú ý điểm tiếp giáp giữa kèo xà với tường, trần với tường chân cột. kệ bục với nền kho, khung cửa với tường, các chán và góc tường, quanh kho, chỗ tối và ẩm trong kho. Định kỳ vệ sinh trong kho để diệt nơi mối và môi trường mối phát triển.

#### *Phương pháp diệt mối:*

Có 2 phương pháp diệt mối: phương pháp trực tiếp và phương pháp gián tiếp, cả hai phương pháp đều dùng thuốc để diệt.

Thuốc diệt mối có các loại: thuốc dầu (Creozon...), thuốc nước (hỗn hợp muối đồng..), thuốc bột (DDT, 666, TM67).

+ Phương pháp trực tiếp: khi phát hiện được tổ mối, đào lên, lấy hết rác ở tổ, tưới thuốc rồi lấp lại. Tổ dưới đất dùng khoảng 5 lít thuốc creozon, tổ trong tường hay

trên trần dùng 2 -3 lít FQG|.

Khi đào tổ mối cần chú ý giữ đường về cho mối đi kiếm ăn tiếp tục trở về và đặt vào tổ vài mảng tổ cũ hay xếp mảnh gỗ mối ăn dở đã rũ hết mối để mối tập trung về, ta tiếp tục nhặt bỏ đi, làm vài lần để diệt hết mối.

Sau khi diệt hết mối cần kiểm tra lại kết quả, nếu sau 10-20 ngày không thấy mối xông thêm hoặc làm đường mới, là việc diệt mối đã có kết quả.

+ Phương pháp gián tiếp (phương pháp diệt lây truyền): như mối tập trung đến một vị trí nhất định, dùng thuốc bột phun vào nơi có mối xuất hiện, mối dính thuốc chạy về tổ, con nọ truyền độc tới con kia, sau 7-10 ngày toàn bộ tổ mối sẽ bị tiêu diệt.

\*Phòng, trừ chuột

*Tác hại của chuột:*

Chuột phá hoại hàng hoá và kho rất mạnh. Chuột cắn hỏng hàng vải sợi, đồ gỗ, đồ nhựa, đồ điện... cắn hỏng cửa, mái kho, bao bì. Chuột còn đào hố, đào đất, bài tiết phân nước tiểu, tha rác, làm bẩn hàng hoá và hỏng kho. Ngoài ra, chuột còn đem bệnh dịch cho người.

Biện pháp phòng chuột: phòng chuột là biện pháp chính. Nếu phòng được chuột thì hạn chế được nhiều tác hại do chuột gây nên. Các biện pháp phòng chuột là:

+ Kho có trần, cửa thông gió sát nền kho phải có lưới sắt, chặt bỏ các cành cây và vật chạm vào mái kho để chuột không lên xuống được.

+ Định kỳ kiểm tra trong kho, ngoài kho: đồ vật bao bì xếp gọn gàng để chuột không có nơi ẩn nấp, làm tổ. Phun thuốc sát trùng để chuột sợ không tới gần kho và hàng hoá.

+ Phát hiện thấy hang chuột thì lấp kín ngay bằng cát, thuỷ tinh, gạch ngói vụn rồi trát kín lại.

*Phương pháp diệt chuột:* chuột là giống tinh khôn, nên việc diệt trừ phải tiến hành bằng nhiều cách, có thể dùng bẫy hay bả độc. Hiện nay, phổ biến là dùng kềm iotrua làm bả độc.

### **2.3. Quản lý định mức hao hụt hàng hoá trong kho**

#### *a. Các loại hao hụt và nguyên nhân hao hụt*

Trong quá trình bảo quản, một số hàng công nghiệp thường bị hao hụt. Những hao hụt này xảy ra do các nguyên nhân: tính chất của hàng hoá, điều kiện bảo quản, trình độ nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm của người làm công tác bảo quản, thiên tai, địch hoạ.

Mức hao hụt hàng hoá lớn hay nhỏ phụ thuộc vào:

Tính chất của hàng hoá. Yếu tố này quyết định mức độ và dạng hao hụt của hàng hoá. Ví dụ: xăng dầu bị bay hơi, đường bị chảy nước hay rơi vãi, hàng thuỷ tinh gốm sứ bị đập vỡ...

Nhiệt độ của không khí tăng, độ ẩm không khí giảm sẽ gây hao hụt do bay hơi nước. Nhiệt độ càng cao, độ ẩm càng giảm thì hao hụt càng nhiều.

Tình trạng bao bì đựng hàng hở, thủng, rách, thì hao hụt do bay hơi, chảy nước, rơi vãi càng nhiều. Bao bì mềm yếu dễ gây dập vỡ khi chất xếp.

Điều kiện kho và thiết bị, chế độ bảo quản: kho bảo quản kiên cố, hiện đại; thiết bị bảo quản, di chuyển, nâng xếp đầy đủ, phù hợp với chế độ bảo quản, phù hợp với tính chất mặt hàng bảo quản thì mức hao hụt thấp.

Thời gian bảo quản ngắn thì mức hao hụt thấp hơn thời gian bảo quản trong kho dài.

Trình độ nghiệp vụ và tinh thần trách nhiệm của từng người làm công tác bảo quản. Trình độ nghiệp vụ và tinh thần trách nhiệm của người làm công tác bảo quản càng cao thì sẽ hạn chế được rất nhiều hao hụt hàng hoá.

Hao hụt do bản thân hàng hoá là hao hụt tất yếu xảy ra trong quá trình bảo quản là hao hụt tự nhiên.

Hao hụt tự nhiên không phải là cố định, mà có thể giảm dần được.

Trong công tác quản lý, người ta quy định tỷ lệ hao hụt cho phép mỗi loại hàng và phân đấu để hạ thấp tỷ lệ hao hụt đó. Tỷ lệ hao hụt cho phép này gọi là định mức hao hụt. Định mức hao hụt này thuộc loại hao hụt tự nhiên.

Những hao hụt vượt ra ngoài tỷ lệ cho phép quy định là hao hụt ngoài định mức hay hao hụt vượt định mức. Hao hụt ngoài định mức thường do trình độ nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm của người làm công tác bảo quản thấp và do thiên tai gây nên. Hao hụt do chủ quan người làm công tác bảo quản gây nên, phải quy rõ phạm vi, mức độ trách nhiệm và xử lý thoả đáng. Hao hụt do bão lụt, cháy phải lập biên bản, ghi rõ nguyên nhân, quy trách nhiệm, biện pháp xử lý và báo cáo cấp trên.

Xây dựng định mức hao hụt phải phù hợp với trình độ phát triển của ngành, phù hợp với hoàn cảnh của doanh nghiệp, phải là mức hao hụt trung bình, tiên tiến và có nhiều người tham gia.

#### *b. Biện pháp giảm hao hụt hàng hoá trong bảo quản*

Tổ chức tốt quá trình nghiệp vụ kho là biện pháp chủ yếu để giảm hao hụt hàng hoá. Để thực hiện tốt biện pháp này, đòi hỏi người làm công tác bảo quản phải nắm vững tính chất của mặt hàng bảo quản và quy trình bảo quản mặt hàng, nắm vững những yếu tố gây nên hao hụt và cách khắc phục những yếu tố ấy và phải làm tốt từ khâu chuẩn bị hàng đến xuất hàng khỏi kho.

Xây dựng và thực hiện tốt định mức hao hụt cho từng mặt hàng bảo quản. Muốn giảm được hao hụt thì phải có định mức hao hụt. Định mức hao hụt phải là mức hao hụt trung bình tiên tiến để mọi người phấn đấu thực hiện. Phải thực hiện tổ chức nghiêm ngặt và thường xuyên kiểm tra, ai làm tốt thì khen thưởng kịp thời, ai thực hiện không tốt thì xử lý thích đáng.

Cải thiện cơ sở vật chất và kho bảo quản hàng hoá. Kho tàng cần được tu bổ cho hợp với yêu cầu cần bảo quản của từng loại hàng hoá. Tăng cường điều kiện vật

chất như: thiết bị chất xếp, di chuyển, thiết bị thông gió, thiết bị phòng cứu hoả... Giải quyết tốt điều kiện vật chất cho bảo quản là tiền đề để thực hiện tốt quy trình bảo quản hàng hoá nói chung, hạ thấp hao hụt nói riêng.

Thường xuyên nâng cao trình độ văn hoá, nghiệp vụ chuyên môn cho người làm công tác bảo quản. Người làm công tác bảo quản có trình độ chuyên môn cao là điều kiện chủ yếu để họ chủ động và tổ chức tốt được việc bảo quản hàng hoá.

- Tổ chức tốt phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa, phong trào xây dựng "kho 5 tốt": (quản lý và sử dụng tốt kho và trang thiết bị kho; bảo quản tốt hàng hoá; chấp hành tốt các chế độ, thể lệ, định mức; lao động tốt, có năng suất cao; bảo vệ tốt kho tàng và hàng hoá). Khi người lao động có tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa cao, đơn vị có phong trào thi đua tốt, có tiêu chuẩn phấn đấu cụ thể và phù hợp, sẽ khắc phục được không ít những mặt yếu kém về nghiệp vụ, và những thiếu thốn về vật chất, công tác bảo quản sẽ đạt được hiệu quả kinh tế cao.

## **2.4. Phòng cháy, chống cháy**

### *a. Tầm quan trọng của công tác phòng cháy, chống cháy*

Cháy là hiện tượng thường xảy ra do không tôn trọng kỹ thuật an toàn khi lắp đặt và sử dụng thiết bị; vi phạm điều lệ an toàn phòng cháy, chống cháy trong sử dụng và bảo quản vật liệu dễ cháy; sử dụng điện quá tải, không đảm bảo an toàn... hoặc do tự cháy hay do kẻ phá hoại. Nếu cháy không được dập tắt kịp thời, thì tài sản, hàng hoá sẽ bị thiệt hại rất lớn.

Phòng cháy, chữa cháy được quy định "...là nghĩa vụ của toàn dân, là nghĩa vụ của toàn thể cán bộ, công nhân viên trong các cơ sở kinh tế, văn hoá". Do vậy, mỗi cán bộ, nhân viên thương nghiệp phải coi công tác phòng cháy, chữa cháy là một nghĩa vụ, một nhiệm vụ hết sức quan trọng và thường xuyên.

### *b. Các biện pháp phòng cháy*

Để xuất hiện và phát triển quá trình cháy cần có: vật cháy, chất ôxi hoá và nguồn nhiệt. Thiếu một trong ba điều kiện trên thì đám cháy sẽ ngừng.

Vật cháy có thể là dạng rắn (vải sợi, gỗ, nhựa...), dạng lỏng (xăng, dầu...) hoặc dạng khí (hơi đốt...). Chất ôxi hoá có thể là ôxi không khí, ôxi nguyên chất, clo, flo, lưu huỳnh hay các hợp chất mang ôxi như kali nitrat, kali clorat... khi bị nung nóng sẽ phân huỷ thoát ra ôxi.

Nguồn nhiệt có thể là ngọn lửa trần, tia lửa điện, tia lửa sinh ra do ma sát, hạt than cháy dở... Nguồn nhiệt là yếu tố quan trọng nhất làm cho hai yếu tố trên cháy được.

Muốn phòng cháy, chữa cháy có hiệu quả phải nắm vững các điều kiện xuất hiện và phát triển quá trình cháy, để có biện pháp tốt nhất nhằm cách ly và triệt tiêu được các điều kiện này.

Trong công tác phòng cháy và chữa cháy phải lấy phương châm "phòng cháy là chính", đồng thời phải chuẩn bị sẵn sàng đề khi xảy ra cháy thì chữa được kịp thời

có hiệu quả.

Những biện pháp phòng cháy chủ yếu là:

*Đối với kho:* khi thiết kế và lựa chọn địa điểm xây dựng, chọn vật liệu xây dựng kho phải bảo đảm yêu cầu phòng-cháy và thuận tiện khi chữa cháy. Trong thiết kế, việc bố trí các khu vực bảo quản phải phù hợp với tính chất của loại hàng bảo quản, phù hợp với loại kho và thuận tiện cho chữa cháy. Kho không xây dựng quá tập trung, bảo đảm khoảng cách giữa các kho với nhau, khoảng cách giữa các kho với hệ thống cột điện; khu hành chính, sinh hoạt phải xa kho, bếp nấu không được đặt trong khu vực kho. Kho phải có hệ thống chống sét, dùng vật liệu khó cháy hoặc không cháy để xây dựng kho.

*Trong bảo quản:* không bảo quản chung các hàng kỵ nhau, hàng dễ cháy với hàng dễ bắt lửa, hàng khi cháy phải dùng chất cứu chữa khác nhau. Chất xếp hàng hoá phải thuận tiện cho công việc kiểm tra, vệ sinh và chữa cháy. Làm tốt công tác chống ẩm, chống nóng đối với hàng hoá để ngăn nguồn phát nhiệt.

*Về tổ chức;* làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, nhân viên để có tinh thần trách nhiệm cao trong việc bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa và tôn trọng triết để nội quy phòng cháy, chữa cháy của đơn vị đề ra.

Có đầy đủ, sẵn sàng các phương tiện, dụng cụ chữa cháy và báo động, thường xuyên kiểm tra để khi cần thì dập tắt ngay được ngọn lửa.

Thành lập đội chữa cháy và tổ chức luyện tập theo phương án của đơn vị. Quan hệ và tổ chức luyện tập với các đội chữa cháy của nhân dân, của các cơ quan (nhất là đội chữa cháy chuyên nghiệp) ở khu vực kho đóng.

Quản lý thật chặt các nguồn lửa: không mang vật cháy, vật dễ bắt cháy, chất nổ vào kho. Không đun bếp và bật lửa trong kho. Dây điện trong kho phải dùng dây bọc, bóng đèn không để sát mái, sát đóng hàng và cầu dao điện phải để ngoài kho.

### *c. Chữa cháy*

Muốn chữa cháy có hiệu quả, phải nắm vững tính chất của đám cháy, sử dụng phương tiện và chọn phương pháp chữa thích hợp.

Dựa trên những nguyên lý của việc chữa cháy, người ta áp dụng các phương pháp chữa cháy sau:

Cách ly các vật cháy; dùng câu liêm và các phương tiện kéo móc khác để dỡ và di chuyển vật cháy ra khỏi vùng cháy.

Làm loãng chất tham gia phản ứng cháy: đưa vào vùng cháy những chất không tham gia phản ứng cháy. Ví dụ: bơm khí CO<sub>2</sub>, N<sub>2</sub>... vào đám cháy.

Ngăn không cho ôxi thâm nhập vào vùng cháy; bơm các loại bột hoặc phủ cát, phủ chăn chiếu, bao tải,... thấm nước lên đám cháy.

Làm lạnh vùng cháy cho đến dưới nhiệt độ bắt lửa của các chất cháy: bơm nước hoặc các loại bột, khí CO<sub>2</sub>, vào đám cháy để hạ thấp nhiệt độ đám cháy.

Phương pháp tổng hợp: là phương pháp kết hợp của nhiều phương pháp trên. Phương pháp tổng hợp là phương pháp chữa cháy có hiệu quả cao, tiết kiệm được

chất chữa cháy; là phương pháp được sử dụng phổ biến trong việc cứu chữa các đám cháy.

## **2.5 Phòng gian bảo mật**

Quy định về phòng gian bảo mật ở kho:

+ Tuyệt đối giữ bí mật về lượng hàng hoá, về tổ chức bảo quản, hoạt động xuất nhập, kiểm kê, lực lượng cán bộ, nhân viên và tổ chức bảo vệ của kho.

+ Có đủ tường rào bảo vệ quanh kho; có cửa ngõ vững chắc, kín đáo và trang bị then, có khoá đầy đủ cho từng gian kho, nhà kho. Với kho có trần phải che đậy kín các ô trống để ngăn kẻ gian xâm nhập. Với những kho có điều kiện phải có hệ thống đèn bảo vệ.

+ Khoá nhà kho, buồng kho, tủ hàng quý,... phải được quản lý chặt chẽ. Nếu trường hợp chìa bị mất phải thay ngay khoá khác.

+ Có trạm kiểm soát vé và người ra vào kho.

+ Mỗi khu vực kho phải có nội quy phòng chống cháy, phòng gian bảo mật, phòng chống lũ lụt.

+ Không bố trí khu vực sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên trong khu vực kho.

+ Tổ chức tuần tra, canh gác trong kho (nhất là ngày nghỉ, ngày lễ).

+ Chuẩn bị thật đầy đủ, kịp thời chu đáo cả về tổ chức kế hoạch. Thường xuyên kiểm tra đôn đốc việc chấp hành nội quy. Định kỳ tổ chức luyện tập theo phương án.

+ Giáo dục cho cán bộ, nhân viên tinh thần cảnh giác với âm mưu phá hoại của địch dưới mọi hình thức, ý thức trách nhiệm trong bảo vệ tài sản, hàng hoá của xí nghiệp. Có chế độ khen thưởng và kỷ luật kịp thời.

## **2.6. Phòng chống lũ lụt**

Kho hàng phải được xây ở nơi có "bình độ" cao. Hàng năm trước mùa mưa bão phải có kế hoạch và tổ chức tu sửa, chằng chống chu đáo để tránh đổ kho, ướt hàng. Chuẩn bị đầy đủ dụng cụ che đậy và thuyền mảng cứu hàng bị ngập.

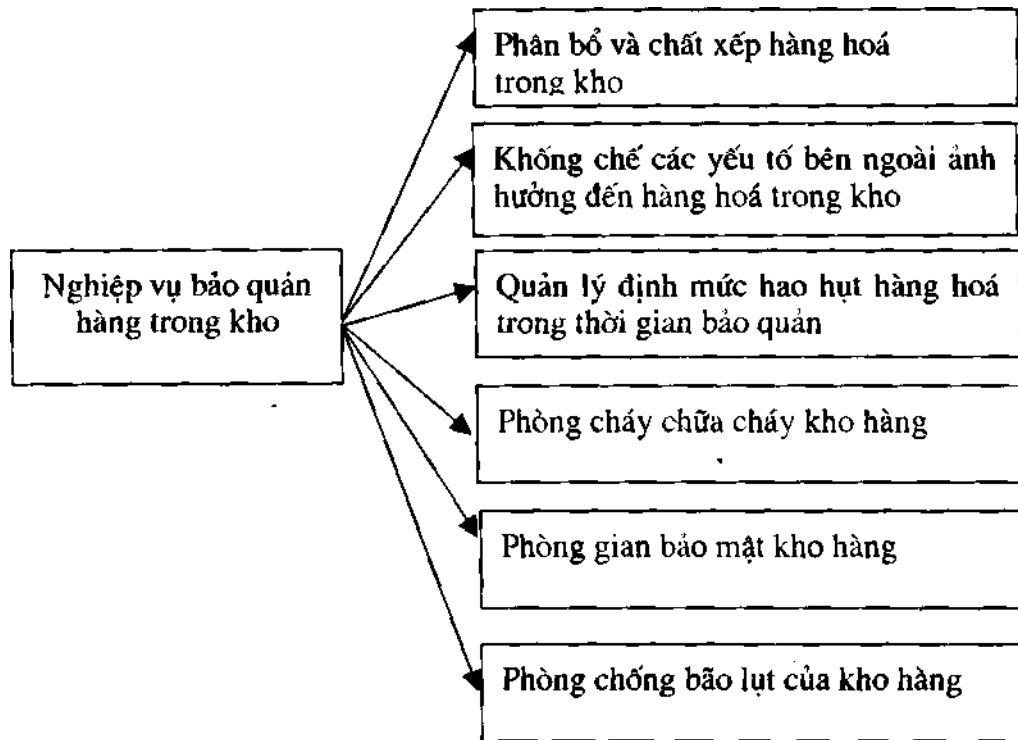
Tổ chức lực lượng phòng chống lũ lụt, xây dựng các phương án phòng chống và tổ chức luyện tập theo phương án.

Trong và sau lũ lụt phải làm tốt việc xử lý, thanh lý hàng hoá, tài sản hư hỏng, làm tổng vệ sinh và sửa kho, che đậy hàng và hạn chế đến mức thấp nhất những hư hại do bão lụt gây ra và sớm đưa kho trở lại hoạt động bình thường.

ở các vùng trũng ven sông, ven suối cần không chế mức tồn kho đảm bảo lưu thông bình thường. Số còn lại tổ chức đưa lên khu cao.



## SƠ ĐỒ NGHIỆP VỤ BẢO QUẢN HÀNG TRONG KHO



### 3. Kỹ thuật bảo quản

#### 3.1. Bao gói hàng hóa

a. Yêu cầu và cơ sở khoa học để lựa chọn bao bì

*\*Khái niệm về bao bì*

Bao bì là phương tiện đi cùng với hàng hoá để bảo vệ, bảo quản và giới thiệu hàng hoá từ khi sản xuất đến khi tiêu dùng.

*\*Yêu cầu chung đối với bao bì*

- Bảo vệ được số lượng và chất lượng hàng hoá. Đây là yêu cầu quan trọng nhất đối với bất cứ một loại bao bì nào. Để đảm bảo yêu cầu này thì nguyên vật liệu dùng sản xuất bao bì và phương pháp đóng gói phải phù hợp với hàng hoá.

- Phải tránh được ảnh hưởng xấu của môi trường, của quá trình bảo quản vận chuyển hàng hoá... Thuận tiện cho việc tháo mở bao bì và sử dụng sản phẩm.

- Bảo đảm được chức năng thông tin quảng cáo hàng hoá. Thông qua việc giới thiệu quảng cáo trên bao bì, làm cho khách hàng hiểu được công dụng, chất lượng, giá cả hàng hoá. Do đó kích thích được nhu cầu mua sắm của khách hàng.

- Trọng lượng tương đối của bao bì phải nhỏ nhất.

- Giá thành bao bì rẻ, thích hợp thị hiếu của người tiêu dùng.

- Thuận tiện cho việc giao nhận, vận chuyển, bốc dỡ hàng hoá

b. Đóng gói hàng hóa

- Đóng gói đơn vị: cách đóng gói này tương ứng với các đơn vị mua của người tiêu dùng cuối cùng. Bao bì đóng gói phải phù hợp với hàng hóa, được sử dụng trong 1 thời gian dài và có mã vạch đi kèm phục vụ cho việc thanh toán.

Đóng gói theo nhóm: (bulking packaging) tương ứng với đơn vị mua bởi 1 nhà bán lẻ hoặc nhà phân phối. Hàng hóa thường được đóng gói vào thùng giấy, carton rồi tập hợp trên pallet.

- Đóng gói theo nhóm: (group packaging) toàn bộ kiện hàng trên pallet sẽ được gắn thẻ SSCC (Serial Shipping Container Code – số seri hàng hóa vận chuyển bằng container) để xác định số lượng thùng/hộp carton của toàn bộ lô hàng, hạn sử dụng và số của lô hàng.

- Đóng gói hàng trong kho (Warehouse packaging): Các sản phẩm được lưu trữ trên hệ thống kệ/giá đỡ. Kích thước bao bì phải phù hợp với kích thước của từng vị trí. Bao bì sản phẩm quá khổ sẽ được đặt ở dưới cùng hoặc trên cùng của giá đỡ. Kho đóng gói phải được mở hoặc đóng cửa thường xuyên; tránh độ ẩm mốc, côn trùng và các yếu tố ô nhiễm từ bên ngoài.

- Đóng gói bao bì vận chuyển: được xác định dựa trên tuyến đường vận chuyển, thời gian vận tải, các phương tiện xếp dỡ, nâng hạ hàng hóa, khí hậu và môi trường của khu vực có liên quan. Việc đóng gói bao bì vận chuyển tuân theo các chỉ tiêu bao bì quốc tế – đặc biệt là ISO, Ủy ban kỹ thuật 122 và WPO (World Packaging Organization – Tổ chức bao bì thế giới)

### **\*Cách đóng gói một số mặt hàng**

+ Cách đóng gói đối với hàng điện tử

Máy tính xách tay, máy in, điện thoại, màn hình ... sử dụng chất liệu đệm là mút, xốp, bọt mềm. Đó là những tấm lót đặc biệt như polyetylen (PE), polyuretan (PU), và polypropylen (PP). Những miếng bọt này bảo vệ các mặt hàng dễ vỡ khỏi va chạm và ảnh hưởng trong các điều kiện xử lý gói hàng bình thường và duy trì mức độ bảo vệ này trong toàn bộ quá trình phân phối. Những bọt này được thiết kế đặc biệt và được sản xuất trước phù hợp với các kích thước và trọng lượng của sản phẩm

+ Cách đóng gói đối với hàng dễ vỡ

Chất liệu dùng để đóng gói hàng dễ vỡ là tấm bọt khí cuộn kín sản phẩm. Các bọt khí này có chức năng đàn hồi chống va đập. Khi đóng gói nên dùng loại giấy chuyên dùng cho đóng gói. Điều này sẽ giúp cho các sản phẩm không bị hư hỏng do va chạm vào nhau và bảo vệ sản phẩm không bị rung do lực truyền vào từ ngoài thùng. Sử dụng đủ tấm bọt để bảo đảm không di chuyển mặt hàng bên trong thùng khi lắc thùng.

+ Cách đóng gói đối với chai lọ chứa chất lỏng

Các bình, chai lọ chứa chất lỏng phải được bịt kín không cho chất lỏng chảy ra ngoài dù bị dốc ngược. Nếu có nhiều chai lọ trong một thùng, chúng phải được ngăn cách bởi vách ngăn hoặc dùng các vật liệu có độ đàn hồi chèn kín giữa các khoảng trống để không cho xô dịch sản phẩm. Các vật liệu chèn như: tấm bọt khí, mút, xốp, hạt nở.

+ Cách đóng gói đối với các vật phẩm cuộn tròn

Tranh vẽ, bản đồ... được cuộn tròn và cho vào ống nước bằng nhựa hoặc bọc bởi giấy có độ dai rồi cho vào hộp giấy.

+ Cách đóng gói bao bì thực phẩm

Bao bì là vật chứa đựng, bao bọc thực phẩm thành đơn vị lẻ để bán. Bao bì có thể bao gồm nhiều lớp bao bọc, có thể phủ kín hoàn toàn hay chỉ bao bọc một phần sản phẩm. Khi sử dụng máy đóng gói chất lượng, bao bì được đóng gói ở hai dạng:

- Bao bì kín – chứa đựng sản phẩm làm nhiệm vụ ngăn cách môi trường bên ngoài không thể xâm nhập vào môi trường bên trong chứa thực phẩm nhằm đảm bảo chất lượng thực phẩm không bị biến đổi trong suốt thời hạn bảo quản.

- Bao bì hở – bao gói trực tiếp các loại rau quả hoặc hàng hóa tươi sống, các loại thực phẩm không bảo quản lâu, chế biến ăn ngay.

- Bao bì bọc bên ngoài – lớp bao bì chứa đựng trực tiếp thực phẩm, tạo sự xếp khối sản phẩm để thuận tiện, an toàn trong vận chuyển hoặc lưu kho.

c. Tiêu chuẩn hoá về ký mã hiệu, nhãn hiệu, cách tháo mở bao bì và tiêu chuẩn bao gói

Mỗi loại bao bì dùng để chứa đựng một loại hoặc một nhóm loại sản phẩm nhất định. Người ta quy định cách ghi các ký mã hiệu để có thể nhận biết sản phẩm nhanh chóng và phân biệt với các sản phẩm khác.

Trên bao bì người ta quy định thống nhất nơi ghi, cách ghi ký mã hiệu và nội dung chủ yếu cần ghi.

Trên bao bì còn có thể có nhãn hiệu các loại vật tư hàng hoá. Trên nhãn hiệu người ta ghi nội dung chủ yếu của sản phẩm để phân biệt với sản phẩm khác như tên xí nghiệp, nơi sản xuất; cũng có thể ghi tóm tắt tiêu chuẩn kinh tế kỹ thuật của sản phẩm (nếu chỉ tiêu này không quá nhiều) và có thể của cả bao bì. Nhãn hiệu được gắn vào bao bì hoặc viết in trên bao bì ở nơi quy định.

Trên bao bì còn chỉ rõ nơi tháo mở và dụng cụ cần thiết để tháo mở, không được tháo mở hoặc móc cáp.

Mỗi loại bao bì nhất định đều có quy định thống nhất tiêu chuẩn bao gói cho một đơn vị bao bì, số lớp bao bì, bao bì trong, bao bì ngoài. Số lượng sản phẩm hoặc

chi tiết trong mỗi bao bì, cách gói buộc và những yêu cầu đối với cách gói, buộc, chèn lót.

Tất cả các loại hàng hoá sau khi đóng gói đều phải ghi đầy đủ các ký mã hiệu trên bao bì và lập phiếu bao gói; ký hiệu, mã hiệu, nhãn hiệu là những biểu tượng được quy ước trước biểu thị tên gọi hàng hoá do hãng sản xuất.

Các ký hiệu, mã hiệu, nhãn hiệu là cái mà khách hàng nhìn thấy và lựa chọn từ nhiều sản phẩm trên giá. Việc trình bày các ký hiệu, mã hiệu, nhãn hiệu trên bao bì cần phải:

- Có những nét đặc biệt để dễ dàng phân biệt với các sản phẩm cùng loại. Bằng những phác hoạ, màu sắc, hình thể và tên sản phẩm theo truyền thống hoặc mới được người tiêu dùng tín nhiệm (ư chuộng).

- Có những mục cần nhấn mạnh, ví dụ: tên riêng của sản phẩm, nơi sản xuất hoặc những đặc trưng tiêu biểu của sản phẩm

- Có sự phức tạp đặc biệt (nếu có thể) để bảo vệ sản phẩm. Chống lại hàng giả, sản phẩm để tạo niềm tin cho khách hàng







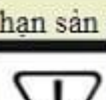
*Biểu tượng trên bao bì* hộp giấy đựng sản phẩm như: mỹ phẩm, thuốc, bánh kẹo có ý nghĩa đặc biệt gì? Hiểu được ý nghĩa của chúng để biết cách bảo quản và sử dụng sản phẩm an toàn hơn.

Người tiêu dùng khi sử dụng bất kể sản phẩm gì thường dễ dàng bắt gặp nhiều biểu tượng, kí tự sản phẩm trên bao bì.





*Hiểu được ý nghĩa của các biểu tượng trên bao bì giúp bạn sử dụng và bảo quản sản phẩm tốt hơn*

Biểu tượng	Ý nghĩa
 Nhiệt kế	Ý muốn thông báo những thực phẩm cần được lưu trữ ở nhiệt độ thích hợp
 Ly vỡ	Ý muốn người sử dụng cần chú trọng đến sản phẩm bên trong. Đây là hàng dễ vỡ, dễ hư hỏng, cần nhẹ tay khi vận chuyển.
 2 mũi tên hướng lên	Ký hiệu này bạn thường thấy được in trên các thùng carton có ý thông báo mặt trên và mặt dưới để tránh món đồ bên trong không bị hư hại
 Cây dù	Ý muốn nhắc các sản phẩm, hàng hóa bên trong không để bị ướt hoặc nơi có nhiệt độ ẩm, nếu không sẽ dễ bị hỏng, mốc
 Người và thùng rác	Nhớ nhắc mọi người hãy ý thức giữ gìn vệ sinh chung, bỏ rác đúng nơi quy định
 Thời hạn sản phẩm	Ký hiệu này bạn thường thấy trên mỹ phẩm hoặc thực phẩm. mang ý nghĩa là thời hạn của sản phẩm của sản phẩm, nếu dùng đúng công dụng hoặc hư hỏng cũng không gây tác hại gì.
 Tam giác ngược bên trong có dấu chấm than	Đây là biểu tượng dùng để cảnh báo bên trong thực phẩm, thức ăn có thể gây dị ứng

Một số loại biểu tượng trên bao bì sản phẩm thường thấy

 <p>Không sử dụng xe đẩy</p>	 <p>Không sử dụng xe nâng</p>	 <p>Không xếp chồng lên</p>
 <p>Xé chỗ này</p>	 <p>Treo/ cột chỗ này</p>	 <p>Giới hạn nhiệt độ</p>
 <p>Tránh ánh nắng</p>	 <p>Tránh mưa/ ẩm ướt</p>	 <p>Tránh phóng xạ</p>



*Ý nghĩa một số biểu tượng dùng để cảnh báo*

 <b>PET</b> Poly Ethylene Terephthalate	 Trọng tâm của kiện hàng	 Cảnh thận khi xếp dỡ	 Không được dùng móc cầu
 Tránh ánh sáng mặt trời	 Dễ vỡ	 Tránh ẩm	 Đặt hướng lên

*Các biểu tượng thường được để ở phía cuối các mặt cạnh của hộp giấy*

 Chú ý có điện này	 Tránh sự tiếp xúc với từ trường	 Đặt thùng theo hướng
 Hàng hóa dễ vỡ	 Kẹp thùng theo chiều trên	 Không lăn thùng
 Không móc, treo	 Không kẹp thùng theo chiều trên	 Tránh làm rách
 Tránh dùng xe đẩy nhau	 Không dùng xe nâng	 Tránh xếp chồng lên

*Tùy vào sản phẩm mà mỗi biểu tượng sẽ được sử dụng sao cho phù hợp nhất*

## **3.2. Xử lý kỹ thuật bảo quản hàng hóa**

### **a. Xử lý bằng hóa chất**

Trong bảo quản hàng hóa, có thể dùng một số loại hóa chất để bảo quản hàng hóa. Các hóa chất này có tác dụng ức chế quá trình oxi hóa, ngăn cách sản phẩm hàng hóa với môi trường gây hại,...

Yêu cầu của việc dùng hóa chất để bảo quản:

- Không ảnh hưởng tới chất lượng hàng hóa
- Không gây độc hại
- Đảm bảo an toàn trong vận chuyển, bảo quản, sử dụng

### **b. Xử lý bằng lý học**

Phương pháp xử lý bằng vật lý là các phương pháp tận dụng nhiệt độ, ánh sáng, làm khô, chân không, chiếu xạ... để bảo quản sản phẩm hàng hóa như phơi khô, sấy khô, hút chân không bao gói sản phẩm, chiếu xạ để diệt các tác nhân gây hại để bảo quản.

### **c. Xử lý bằng sinh hóa**

Phương pháp xử lý bằng sinh hóa thường dùng là lên men ( muối chua), ướp đường, muối để bảo quản đối với rau củ, quả, thịt, cá,...

## **TÓM TẮT CHƯƠNG 2**

Trong chương này, một số nội dung chính được giới thiệu:

- Yêu cầu bảo quản hàng hoá
- Nội dung của nghiệp vụ bảo quản hàng hoá: chất xếp hàng hoá, không chế các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng hàng hoá, quản lý hao hụt, phòng cháy chữa cháy...
- Bao gói và xử lý kỹ thuật bảo quản

## **CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG 2**

Câu 1. Trình bày các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng hàng hoá trong thời gian bảo quản

Câu 2. Trình bày các biện pháp khắc phục các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng hàng hoá trong thời gian bảo quản.

Câu 3. Trình bày định mức hao hụt hàng hoá trong kho

Câu 4: Trình bày các kỹ thuật bảo quản hàng hoá

Câu 5: Trình bày quy trình bao gói hàng hoá

## **CHƯƠNG 3**

### **KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HÀNG HOÁ GIỚI THIỆU CHƯƠNG**

Chương 3 là chương giới thiệu khái niệm, mục đích ý nghĩa của kiểm tra chất lượng hàng hoá, các phương pháp và hình thức kiểm tra chất lượng, các báo cáo về tình trạng chất lượng hàng hoá

#### **MỤC TIÊU**

##### **1. Về kiến thức:**

- Trình bày được khái niệm, mục đích, ý nghĩa của kiểm tra chất lượng;
- Trình bày được các phương pháp kiểm tra chất lượng
- Trình bày được các hình thức kiểm tra chất lượng
- Trình bày được quy trình và nội dung kiểm tra chất lượng
- Trình bày được các báo cáo tình trạng chất lượng hàng hoá

##### **2. Về kỹ năng:**

- Lựa chọn được hình thức kiểm tra chất lượng đối với một số hàng hoá cụ thể;
- Liệt kê được các bước trong quy trình kiểm tra chất lượng
- Báo cáo được tình trạng chất lượng hàng hoá theo mẫu

##### **3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- Ý thức được tầm quan trọng và ý nghĩa thực tiễn của kiểm tra chất lượng hàng hoá trong bảo quản

- Thái độ học tập nghiêm túc, tích cực trong thảo luận các nội dung giảng viên nêu ra.

### **PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP CHƯƠNG 3**

- Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực (diễn giảng, vấn đáp, dạy học theo vấn đề); yêu cầu người học thực hiện câu hỏi thảo luận (cá nhân hoặc nhóm).

- Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (chương 2) trước buổi học; hoàn thành đầy đủ câu hỏi thảo luận chương 2 theo cá nhân hoặc nhóm và nộp lại cho người dạy đúng thời gian quy định.

### **ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG 3**

- Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Không

- Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu và các thiết bị dạy học khác

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan.

- Các điều kiện khác: Không có

### **KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG 3**

- Nội dung:

+ Kiến thức: Kiểm tra và đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức

+ Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.

+ Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Trong quá trình học tập, người học cần:
- Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
- Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- Nghiêm túc trong quá trình học tập.

- Phương pháp:

+ Điểm kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra (hình thức: hỏi miệng)

+ Kiểm tra định kỳ lý thuyết: 1 điểm kiểm tra (hình thức: tự luận)

## **NỘI DUNG**

### **Chương 3: Kiểm tra chất lượng hàng hóa**

#### **1. Tổng quan về kiểm tra chất lượng hàng hóa**

##### **1.1. Khái niệm**

Kiểm tra chất lượng là hoạt động theo dõi, đo lường, thu thập thông tin về chất lượng nhằm đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch chất lượng đã đề ra trong mọi quá trình, mọi hoạt động và các kết quả thực hiện các chỉ tiêu chất lượng trong thực tế so với các yêu cầu tiêu chuẩn đã đặt ra.

##### **1.2. Mục tiêu và ý nghĩa của kiểm tra chất lượng hàng hóa**

Mục tiêu kiểm tra chất lượng là phát hiện những sai lệch trong quá trình thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ chất lượng, tìm ra nguyên nhân và tìm cách xóa bỏ, ngăn ngừa sự tái diễn của sai lệch đó. Thông qua kiểm tra chất lượng đánh giá được mức độ phù hợp của sản phẩm về các thông số kinh tế- kỹ thuật với tiêu chuẩn thiết kế và với các yêu cầu của các hợp đồng mua bán. Phát hiện những sản phẩm kém chất lượng xác định nguyên nhân và loại bỏ.

#### **2. Phương pháp và hình thức kiểm tra chất lượng hàng hóa**

##### **2.1. Phương pháp kiểm tra**

Có nhiều phương pháp xác định chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Mỗi phương pháp có những ưu điểm và hạn chế riêng. Tùy thuộc vào mục đích và những yêu cầu kiểm tra, người ta lựa chọn áp dụng các phương pháp khác nhau.

*a. Phương pháp kiểm tra bằng cảm quan*

Đây là phương pháp kiểm tra đánh giá định tính tình hình thực hiện các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm. Người ta sử dụng con người như một phương tiện cơ bản để đánh giá kiểm tra chất lượng sản phẩm, thông qua sự cảm nhận của các cơ quan cảm giác về các thuộc tính chất lượng của sản phẩm để đưa ra những kết luận về tình hình thực hiện các chỉ tiêu chất lượng. Phương pháp này được sử dụng rộng rãi trong kiểm tra các chỉ tiêu khó lượng hóa như màu sắc, hương vị, độ thích thú... Để phản ánh mức độ chất lượng đạt được, người ta thường dùng cách cho điểm đối với từng chỉ tiêu chất lượng. Do khả năng nhận biết, phân biệt các cơ quan cảm giác có những hạn chế nhất định nên người ta thường lập ra các hệ thống thang điểm khác nhau như:

- Thang điểm sắp xếp theo thứ tự
- Thang điểm phân khoảng theo các khoảng bằng nhau tương ứng với sự nhận biết của cơ quan cảm giác.
- Thang điểm tỷ lệ chia theo các tỷ số bằng nhau.

Phương pháp cảm quan đơn giản, cho kết quả nhanh, tiết kiệm thời gian và các nguồn lực, vật chất trong công tác kiểm tra. Nó rất thích hợp trong trường hợp kiểm tra các chỉ tiêu phần mềm của sản phẩm và các chỉ tiêu có tính tâm lý khó lượng hóa. Phương pháp cảm quan cũng được dùng rộng rãi trong kiểm tra, đánh giá chất lượng dịch vụ và các hoạt động quản lý trong các doanh nghiệp. Phương pháp này phụ thuộc lớn vào trình độ chuyên môn, kiến thức, khả năng, kinh nghiệm, thói quen và trạng thái, tinh thần của nhân viên kiểm tra. Kết quả kiểm tra mang tính chủ quan, do đó kết quả thường có độ chính xác không cao. Để khắc phục nhược điểm này, người ta thành lập hội đồng kiểm tra hoặc kết hợp một số máy móc, phương tiện để nâng cao sự cảm nhận của các cơ quan cảm giác.

*b. Phương pháp thí nghiệm*

Phương pháp này được tiến hành trong các phòng thí nghiệm với những thiết bị máy móc chuyên dùng và kết quả thu được là những số liệu dưới dạng những quan hệ về số lượng rõ ràng. Nó được áp dụng chủ yếu đối với các thuộc tính chất lượng công nghệ có đơn vị đo phần cứng của sản phẩm. Phương pháp này được áp dụng rộng rãi trong trường hợp các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của sản phẩm cũng chính là các thông số chỉ tiêu đó. Ví dụ như công suất, động cơ, tốc độ gió, hàm lượng gió, độ mài mòn của sản phẩm... Phương pháp phòng thí nghiệm có thể thực hiện bằng cách đo trực tiếp hoặc phân tích thành phần lý hóa, sinh hóa của sản phẩm.

Phương pháp đo sử dụng các phương tiện đo để thu thập thông tin về một chỉ tiêu chất lượng nào đó, so sánh với tiêu chuẩn hoặc vật mẫu để xác định mức chất lượng đạt được của sản phẩm. Ví dụ: đo bề dày của các tấm kim loại sản xuất ra hay đo độ ẩm của một loại sản phẩm, so sánh với tiêu chuẩn để biết được tình hình của quá trình sản xuất.

Phương pháp phân tích hóa lý nhằm xác định thành phần hóa học, hàm lượng các chất, tính chất hóa học của sản phẩm theo các đơn vị đo xác định. Chẳng hạn, xét nghiệm phân tích các chất hóa học, hàm lượng chì và các tạp chất khác có trong dầu ăn.

Kết quả của phương pháp này phản ánh một cách khách quan, chính xác tình hình thực hiện các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm. Tuy nhiên, phương pháp phòng thí nghiệm đòi hỏi phải có các phương tiện kỹ thuật kiểm tra hiện đại, chính xác, vốn đầu tư trang bị lớn và chi phí kiểm tra cao. Kết quả kiểm tra phụ thuộc rất lớn vào trình độ kỹ thuật của các phương tiện kiểm tra, đánh giá chất lượng. Đối với một số chỉ tiêu chất lượng có tính chất tâm lý như thẩm mỹ, màu sắc, mùi vị, sự thích thú lại khó áp dụng. Vì vậy, để đảm bảo độ chính xác của các kết quả kiểm tra chất lượng, người ta thường sử dụng kết hợp các phương pháp thí nghiệm và cảm quan.

### *c. Phương pháp chuyên viên*

Dựa vào các kết quả thu được từ phương pháp thí nghiệm và cảm quan kinh nghiệm, người ta tiến hành thành lập hội đồng chuyên gia đánh giá, cho điểm từng thuộc tính và chỉ tiêu chất lượng, phân cấp hạng sản phẩm. Đây là phương pháp hỗn hợp được sử dụng khá phổ biến trên thế giới. Phương pháp chuyên viên tiến hành theo hai cách là phương pháp Delphy và Paterne. Trong phương pháp Delphy, các chuyên gia không trực tiếp trao đổi với nhau mà các ý kiến đánh giá được trả lời qua các phiếu điều tra đã được soạn thảo sẵn còn phương pháp Paterne là phương pháp trong đó các chuyên gia trao đổi trực tiếp với nhau để đi đến nhất trí về mục độ đạt được các chỉ tiêu chất lượng. Phương pháp chuyên viên được thực hiện qua hàng loạt các bước được lặp đi lặp lại nhằm đảm bảo tính chính xác của kiểm tra. Cả hai phương pháp trên đều có những mặt tích cực và hạn chế nhất định, cần được sử dụng một cách linh hoạt, phù hợp với từng trường hợp cụ thể. Thực tế cho thấy cho thấy phương pháp chuyên viên được tổ chức tốt sẽ đem lại kết quả chính xác trong kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm. Vì vậy, nó được sử dụng khá rộng rãi hiện nay. Phương pháp này đã khai thác được kiến thức, trình độ và kinh nghiệm của các chuyên gia am hiểu sâu về chất lượng từng loại sản phẩm, tuy nhiên nó vẫn mang tính chủ quan, phụ thuộc vào kinh nghiệm, độ nhạy cảm và khả năng của các chuyên gia, chi phí lớn và tốn kém thời gian.

Ngoài ra, đối với một số sản phẩm, người ta còn sử dụng phương pháp dùng thử sản phẩm, qua đó xác định rõ mức độ chất lượng đạt được.

## 2.2. Hình thức kiểm tra

Để triển khai các hoạt động kiểm tra chất lượng, người ta sử dụng nhiều hình thức khác nhau. Mỗi hình thức kiểm tra chất lượng đều khai thác, ứng dụng rộng rãi các kỹ thuật thống kê. Có hai hình thức kiểm tra chất lượng được sử dụng phổ biến là kiểm tra toàn bộ và kiểm tra chọn mẫu. Lựa chọn hình thức kiểm tra nào cho thích hợp, có hiệu quả đều phải căn cứ vào đối tượng, mục đích kiểm tra và yêu cầu chất lượng dưới dạng thuộc tính hay biến số.

+ Trong kiểm tra toàn bộ, người ta tiến hành kiểm tra tất cả mọi sản phẩm, một 100% sản phẩm được kiểm tra, đánh giá theo các chỉ tiêu chất lượng quy định. Hình thức này chỉ áp dụng cho những sản phẩm giá trị lớn, quý hiếm, những lô hàng nhỏ trong trường hợp kiểm tra không phá hủy đối với các quá trình hoạt động có nguy hiểm đến tính mạng con người, thì kiểm tra toàn bộ là yêu cầu bắt buộc. Lượng thông tin thu được từ kiểm tra toàn bộ nhiều hơn, đầy đủ hơn, giúp cho những kết luận có cơ sở khoa học lớn. Tuy nhiên, hình thức kiểm tra này khá tốn kém và không phải lúc nào kiểm tra toàn bộ cũng tốt hơn các hình thức kiểm tra khác. Trong thực tế đôi khi kiểm tra toàn bộ vẫn bỏ sót nhiều sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng.

+ Trong kiểm tra đại diện hay kiểm tra chọn mẫu, người ta chỉ tiến hành kiểm tra một lượng sản phẩm được gọi là mẫu rút ra từ lô sản phẩm. Nhưng kết quả kiểm tra mẫu được sử dụng để xác định khả năng chấp nhận hay bác bỏ một lô sản phẩm căn cứ vào tổng thể mẫu ngẫu nhiên.

Việc áp dụng đúng đắn kiểm tra chọn mẫu sẽ cho phép giảm số lượng sản phẩm phải kiểm tra, thời gian, chi phí và hạn chế được các lỗi sai trong quá trình kiểm tra, lặp đi lặp lại những thao tác. Hoạt động kiểm tra tiến hành nhanh gọn, cho kết quả sớm, tạo cơ sở cho việc đưa ra các quyết định khắc phục nhanh kịp thời những sai hỏng. Đây là hình thức kiểm tra tích kiệm và được áp dụng phổ biến nhất trong thực tế. Tuy nhiên, phải kiểm tra chọn mẫu có lượng thông tin thu được ít hơn nên đòi hỏi thông tin phải chính xác. Một điểm quan trọng của kiểm tra chọn mẫu là luôn gắn với rủi ro trong việc chấp nhận hoặc bác bỏ lô sản phẩm. Hơn nữa kiểm tra chọn mẫu chỉ có kết quả tin cậy, chấp nhận được khi mẫu đại diện được cho chất lượng của lô sản phẩm, đảm bảo đúng quy trình lấy mẫu và quá trình kiểm tra không được có sai sót.



### 3. Nội dung kiểm tra chất lượng hàng hóa

#### 3.1. Chứng từ, hóa đơn

- + Hợp đồng xuất nhập khẩu (hợp đồng ngoại thương)
- + Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O)
- + Hóa đơn thương mại (Trên hóa đơn thương mại sẽ có đầy đủ các thông tin về hàng hóa, giá trị hàng hóa, điều kiện, hình thức thanh toán,...)
- + Phiếu đóng gói (Một phiếu đóng gói thông thường sẽ bao gồm các nội dung sau: Thông tin người mua và người bán; Thông tin kiện hàng: tên hàng, số lượng, trọng lượng, thể tích, mô tả hàng hóa,...; Cảng tàu, tên tàu, hình thức bốc dỡ )
- + Giấy chứng nhận chất lượng.
- + Giấy chứng nhận số lượng/ trọng lượng hàng hóa.
- + Chứng từ bảo hiểm hàng hóa.

#### 3.2. Số lượng

Kiểm tra số lượng từng loại hàng hóa theo hóa đơn, hợp đồng, thẻ kho

#### 3.3. Chất lượng

Kiểm tra chất lượng từng loại hàng hóa theo quy cách, tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa

Khi nhập hàng cũng như trong bảo quản, trưng bày

#### 3.4. Điều kiện và môi trường

Kiểm tra điều kiện và môi trường nơi bảo quản, trưng bày có đảm bảo để giữ gìn chất lượng và số lượng hàng hóa theo quy định hay không.

### 4. Một số Mẫu biên bản tình trạng hàng hóa

Đơn vị:.....

Bộ phận:.....

**Mẫu số 03 - VT**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*

*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM** **Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá**

Ngày...tháng...năm....

Số:.....

- Căn cứ.....số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....

Ban kiểm nghiệm gồm:

+ Ông/Bà.....Chức vụ.....Đại diện.....Trưởng ban

+ Ông/Bà.....Chức vụ.....Đại diện..... Ủy viên

+ Ông/Bà.....Chức vụ.....Đại diện..... Ủy viên  
 Đã kiểm nghiệm các loại:

Số TT	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách, phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất	
A	B	C	D	E	1	2	3	F

Ý kiến của Ban kiểm nghiệm:.....  
 .....

**Đại diện kỹ thuật**  
*(Ký, họ tên)*

**Thủ kho**  
*(Ký, họ tên)*

**Trưởng ban**  
*(Ký, họ tên)*

Biên bản kiểm nghiệm Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá nhằm xác định số lượng, qui cách, chất lượng vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa trước khi nhập kho, làm căn cứ để qui trách nhiệm trong thanh toán và bảo quản.

**Mẫu Biên bản kiểm kê hàng hóa bị hư hỏng hết hạn sử dụng** sau đây được xây dựng theo các tiêu chí cụ thể. Các chi tiêu này được quy định tại Khoản 2, Điều 6 Thông tư 78/2014/TT-BTC. (Điều này được sửa đổi bổ sung bởi Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC).

– Biên bản cần phải có 1 số tiêu thức như tên hàng hóa, giá trị hàng hóa bị hư hỏng, phần giá trị hàng hóa còn có thể thu hồi, nguyên nhân hư hỏng...

– Doanh nghiệp có thể tự lập Biên bản kiểm kê hàng hóa bị hư hỏng hết hạn sử dụng, trên biên bản cần có chữ ký của chủ doanh nghiệp là người đại diện theo pháp luật. Và doanh nghiệp cần phải chịu trách nhiệm về tính trung thực trước pháp luật.

CÔNG TY: .....

Địa chỉ: .....

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BIÊN BẢN KIỂM KÊ GIÁ TRỊ HÀNG HÓA BỊ HƯ HỎNG

Hôm nay, ngày .... Tháng..... năm ....., tại ..... Chúng tôi gồm có:

- Ông (bà): ..... Bộ phận: .....

- Ông (bà): ..... Bộ phận: .....

- Ông (bà): ..... Bộ phận: .....

Cùng nhau kiểm kê kho hàng hóa với các nội dung như sau:

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Giá trị trên sổ sách	Tình trạng phẩm chất			Giá trị hàng hóa bị hư hỏng	Giá trị hàng hóa có thể thu hồi được
						Tốt	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất Nguyên nhân kém hoặc mất phẩm chất		
1										
2										
3										
4										
	<b>Tổng</b>									

Biên bản này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau. 01 bản lưu tại Phòng kế toán, 01 bản lưu tại Bộ phận kho, 01 bản lưu tại Ban kiểm kê

Ngày .... Tháng..... Năm.....  
**Tintucketoan.com**

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ kho**  
(Ký, họ tên)

**Ban kiểm kê**  
(Ký, họ tên)

CÔNG TY.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày.....tháng.....năm .....

### BIÊN BẢN GIAO NHẬN

*Căn cứ Hợp đồng mua bán giữa .....*

*Căn cứ Đơn đặt hàng ngày.....của Công ty .....*

*Hôm nay, ngày.....tháng.....năm.....tại .....*

*chúng tôi gồm:*

**BÊN A (Bên nhận hàng):** .....

- Địa chỉ : .....

- Điện thoại : .....

- Đại diện Ông/bà:..... Chức vụ: .....

**BÊN B (Bên giao hàng):** .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: .....

- Đại diện Ông/bà ..... Chức vụ: .....

Hai bên cùng nhau thống nhất số lượng giao hàng như sau:

STT	Tên hàng	Quy cách	ĐVT	Số lượng	Ghi chú

Bên A xác nhận Bên B đã giao cho Bên A đúng chủng loại và đủ số lượng hàng như trên.

Hai bên đồng ý, thống nhất ký tên. Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
CƠ QUAN BAN HÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

....., ngày .. tháng ... năm ...

**BIÊN BẢN BẤT THƯỜNG**  
**XÁC NHẬN HÀNG HÓA KHÔNG CÒN NGUYÊN VẸN, BAO BÌ RÁCH VỠ**

Hôm nay, vào hồi....giờ ngày ... tháng .... năm tại ... (tên địa điểm lưu giữ hàng hóa không còn nguyên vẹn, bao bì rách vỡ) chúng tôi gồm:

**I. Đại diện doanh nghiệp (ghi rõ tên doanh nghiệp)**

1. Ông/bà..... chức vụ .....

2. Ông/bà..... chức vụ .....

**II. Đại diện đơn vị hải quan**

- Ông/bà:

- Số hiệu công chức .....

- Chức vụ: .....

**III. Nội dung xác nhận về hàng hóa không còn nguyên vẹn, bao bì rách vỡ**

ST T	Số vận đơn/CN22, CN23/ E1QT	Số lượng g gói, kiện hàng hóa khi vào kho	Số lượng gói, kiện hàng hóa còn nguyên vẹn	Tình trạng các gói, kiện hàng hóa không còn nguyên vẹn	Lý do hàng hóa không còn nguy ên vẹn, bao bì rách vỡ	Vị trí lưu giữ đối với hàng hóa không còn nguy ên vẹn, bao bì rách vỡ	Ghi c hủ

Ý kiến bổ sung khác (nếu có):

.....  
.....

Biên bản đã được thông qua vào hồi...giờ ...cùng ngày và được lập thành..... bản, mỗi bản gồm ...trang, có nội dung và giá trị như nhau giao cho..... giữ..... bản.



Công ty CP .....		CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM				
.... Hà Nội		Độc lập - Tự do - Hạnh phúc				
<i>Ngày ... Tháng ... Năm .....</i>						
<b>BIÊN BẢN KIỂM TRA HÀNG TỒN KHO HẾT HẠN SỬ DỤNG</b>						
Hôm nay tại kho nước yến của Công ty CP..... chúng tôi gồm:						
1	Chức vụ:					
2	Chức vụ:					
3	Chức vụ:					
Cùng nhau kiểm kê số lượng hàng hoá quá hạn sử dụng không bán được đề nghị huỷ hàng theo bảng kê dưới đây:						
STT	Tên hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Ngày nhập	Ngày hết hạn sử dụng	Ghi chú
1						
2						
3						
4						
5						
	<b>Nhân viên kho hàng</b>	<b>Quản lý hành chính</b>			<b>Kế toán</b>	
	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>			<i>(ký, họ tên)</i>	

Số: .../BC-....

....., ngày...tháng...năm 20...

### BÁO CÁO

#### Về công tác quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa

#### I. Hoạt động kiểm tra nhà nước về chất lượng SPHH nhập khẩu

STT	Số đăng ký	Tên sản phẩm nhập khẩu	Số lượng	Kết quả xử lý hồ sơ		Lý do không ra thông báo	Biện pháp xử lý đối với lô hàng không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ
				Ra thông báo (số lượng)	Không ra thông báo (số lượng)		
1							
2							
...							

#### II. Hoạt động kiểm tra nhà nước về chất lượng SPHH trong lưu thông trên thị trường

1. Các hàng hóa được kiểm tra (ghi rõ số lượng từng loại sản phẩm, hàng hóa).
2. Số cơ sở được kiểm tra và địa bàn kiểm tra:
3. Tình hình chất lượng, nhãn hàng hóa qua kiểm tra:
4. Tình hình vi phạm, xử lý và một số vụ điển hình:

## **TÓM TẮT CHƯƠNG 3**

Trong chương này, một số nội dung chính được giới thiệu:

- Khái niệm, mục đích, ý nghĩa của kiểm tra chất lượng hàng hoá
- Các phương pháp và hình thức kiểm tra chất lượng
- Nội dung của kiểm tra chất lượng hàng hoá
- Báo cáo tình trạng chất lượng hàng hoá

### **CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG 3**

Câu 1. Khái niệm, mục đích, ý nghĩa của kiểm tra chất lượng hàng hoá

Câu 2. Trình bày các phương pháp và hình thức kiểm tra chất lượng. Cho ví dụ minh hoạ

Câu 3. Trình bày nội dung của kiểm tra chất lượng hàng hoá

Câu 4: Viết báo cáo tình trạng hàng hoá hư hỏng, hết hạn sử dụng



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. GS.TS. Đặng Đình Đào, PGS.TS. Nguyễn Thị Xuân Hương, PGS.TS. Phan Tô Uyên, *Giáo trình Thương phẩm học*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2018
- [2]. PGS.TS. Doãn Kế Bôn, TS. Nguyễn Thị Thương Huyền, *Giáo trình Khoa học hàng hoá*, NXB Tài chính, 2009.
- [3]. Đại học Thương mại, *Giáo trình Thương phẩm học hàng thực phẩm*, NXB Thống kê, 1980
- [4]. Đại học Thương mại, *Giáo trình Thương phẩm học hàng công nghệ phẩm*, NXB Thống kê, 1980
- [5]. Đại học Ngoại thương, *Giáo trình Quản lý chất lượng hàng hóa và dịch vụ*, NXB Thống kê, 2000.